



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

2

Tháng 1 - 2020

KHỞ CÔNG KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG II-C VÀ PHÁT ĐỘNG TẾT TRỒNG CÂY XUÂN CANH TÝ 2020

Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 2020



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi Lễ



Quang cảnh Lễ khởi công

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT

2

SỐ 2 - 1/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 5
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 8
- Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ 9

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định quy định về quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh 11
- UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh 12
- UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định xác định và quản lý các chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Công nghệ số trong xây dựng 18
- Các sáng kiến năng lượng truyền cảm hứng cho các 22
thành phố thông minh
- Các ứng dụng điện thoại di động cho thành phố 24
thông minh
- Kiên trì ưu tiên tiết kiệm nước, thúc đẩy phát triển 27
xanh - Kinh nghiệm tiết kiệm nước tại thành phố
Thượng Hải
- So sánh các mô hình xử lý rác thải sinh hoạt nông 29
thôn điển hình tại Trung Quốc

Thông tin

- Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị hoàn 33
thành vượt mức kế hoạch công tác năm 2019
- Viện Khoa học Công nghệ xây dựng phát triển ổn 37
định trong cơ chế tự chủ
- Trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng 40
cho ông NOH TAE KEUK, chuyên gia Hàn Quốc làm
việc tại Bộ Xây dựng
- Viện Vật liệu Xây dựng tổ chức Hội nghị cán bộ viên 41
chức và tổng kết công tác năm 2019
- Thẩm định Đề án Đề nghị công nhận thị xã Cai Lậy, 43
tỉnh Tiền Giang là đô thị loại III
- Khởi công Khu công nghiệp Yên Phong II-C và phát 45
động Tết trồng cây Xuân Canh Tý 2020



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040.

Phạm vi, ranh giới và quy mô nghiên cứu

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch chung đô thị được xác định trên toàn bộ địa giới hành chính thành phố Hà Tiên, bao gồm 7 đơn vị hành chính (5 phường là Bình San, Đông Hồ, Pháo Đài, Tô Châu, Mỹ Đức; 2 xã là Thuận Yên và xã đảo Tiên Hải) với diện tích tự nhiên khoảng 100,49 km² và phần diện tích mặt biển nằm giữa xã đảo Tiên Hải và các xã thuộc phần đất liền của thành phố Hà Tiên.

Nội dung nghiên cứu quy hoạch

a) Đánh giá hiện trạng:

- Phân tích đánh giá các đặc điểm tự nhiên, hiện trạng về địa hình, khí hậu, thủy văn, địa chất, đặc điểm cảnh quan sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, xác định danh mục, phân loại di tích, di sản trong khu vực quy hoạch theo đặc thù địa phương, tài nguyên du lịch thành phố Hà Tiên và các khu vực phụ cận có ảnh hưởng đến định hướng phát triển thành phố Hà Tiên; đánh giá chi tiết về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng;

- Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu. Hiện trạng dân cư, lao động, việc làm: thống kê dân số, lao động, cơ cấu nghề nghiệp, tỷ lệ dân số, lao động (5 năm gần nhất); phân

tích xu hướng phát triển dân số, tình hình phân bố dân cư (đô thị - nông thôn), các hiện tượng di cư, các vấn đề do đô thị hóa;

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất: thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất và các vấn đề tồn tại về sử dụng đất, cảnh quan không gian cần giải quyết để đáp ứng với yêu cầu phát triển;

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và môi trường trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch. Xác định những vấn đề còn tồn tại để đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Rà soát, đánh giá nội dung Quy hoạch chung thị xã và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 32/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2000, đánh giá cụ thể việc triển khai, thực hiện các dự án đầu tư theo Quy hoạch chung được phê duyệt năm 2000 đến nay, nêu rõ các đặc điểm chủ yếu trong phát triển hiện tại của thành phố và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, xác định các tồn tại, bất cập cần giải quyết;

b) Định hướng phát triển không gian đô thị

- Định hướng về không gian kiến trúc - cảnh quan, cấu trúc đô thị, phân khu chức năng, quy hoạch sử dụng đất; nghiên cứu đề xuất các giải pháp về thiết kế đô thị, quy định quản lý đô thị theo quy hoạch; định hướng về phát triển kiến trúc có tính đặc thù tại thành phố Hà Tiên.

- Cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu, khai thác quỹ đất sườn núi; nghiên cứu phát triển đô

thị, mở rộng phạm vi, ranh giới của đô thị hiện hữu theo hướng Đông Bắc;

- Xác định các khu chức năng của đô thị, phát triển khu trung tâm, các khu trung tâm công cộng, các khu dịch vụ, các khu công viên cây xanh, các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng, bến bãi..., và các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu.

c) Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội: đề xuất định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng xã hội cho các khu ở, các công trình y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, du lịch, đề xuất sân golf ở vị trí phù hợp đáp ứng nhu cầu của đô thị và vùng lân cận.

d) Thiết kế đô thị:

- Nội dung thiết kế đô thị thực hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; cụ thể: Thiết kế cảnh quan 2 bên sông Hà Tiên, các trục giao thông chính, ven biển, cảnh quan trong đô thị; đề xuất tổ chức không gian trong các khu trung tâm, khu vực cửa ngõ đô thị, trục không gian chính, một số điểm nhấn cao tầng mang tính biểu tượng trong đô thị; tổ chức không gian cây xanh, mặt nước. Tận dụng tối đa các ưu thế cảnh quan tự nhiên, văn hóa - lịch sử làm điểm nhấn để phát triển đô thị.

- Cây xanh đô thị: nghiên cứu các chủng loại cây phù hợp môi trường tự nhiên, hạ tầng trồng cây xanh trong đô thị; thiết kế cảnh quan công viên, quảng trường, tượng đài Mạc Cửu.

e) Quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn:

- Xác định chức năng các khu vực; xác định

chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; đề xuất kế hoạch sử dụng đất phù hợp với từng giai đoạn phát triển; xác định ranh giới các khu vực đô thị, ranh giới khu kinh tế cửa khẩu;

- Bố trí các hành lang cách ly, hành lang hạ tầng chính và quỹ đất xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng (nếu có).

- Quy hoạch sử dụng đất trong giai đoạn ngắn, trung và dài hạn cần đảm bảo phù hợp với quỹ đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Kiên Giang đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018.

f) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Chuẩn bị kỹ thuật: đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; đánh giá về địa hình, các biến đổi địa chất, xác định khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng; xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho đô thị và từng khu vực, có năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

- Giao thông: xác định mạng lưới giao thông đối ngoại kết nối tuyến đường cao tốc Long Xuyên - Hà Tiên, Rạch Giá - Hà Tiên, quốc lộ 80, quốc lộ N1, giao thông đô thị và giao thông đường thủy (sông Giang Thành, kênh xáng Rạch Giá - Hà Tiên, các bến cảng hiện hữu...), hệ thống giao thông tĩnh, phân loại các cấp đường giao thông đô thị và đề xuất các giải pháp thiết kế cho mạng lưới giao thông nội bộ; định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông kết nối vùng, nội vùng và hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải, nghĩa trang và chất

thải rắn. Nghiên cứu đề xuất vị trí xây dựng sân bay lưỡng dụng cho tầm nhìn quy hoạch đến năm 2040.

- Cấp nước: xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước; vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, phân tích đánh giá tài nguyên nước, đề xuất các giải pháp cấp nước và bảo vệ nguồn nước. Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước, dự kiến nguồn cấp, công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật;

- Thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: xác định tiêu chuẩn và dự báo khối lượng thoát nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; nghĩa trang và nhà tang lễ đô thị

- Cấp điện, chiếu sáng: xác định tiêu chuẩn, nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện; đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện, dự kiến các công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng khác (nếu có);

- Thông tin liên lạc: tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông. Xây dựng mạng lưới truyền dẫn quang đồng bộ theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 139/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phạm vi quy hoạch

Tỉnh Bắc Giang có diện tích tự nhiên 3.895,48 km² tại tọa độ địa lý từ 21°07' đến 21°37' vĩ độ bắc; từ 105°53' đến 107°02' kinh độ đông.

- Phía Đông giáp với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh;

- Phía Tây giáp với tỉnh Thái Nguyên, thủ đô Hà Nội;

- Phía Nam giáp với tỉnh Hải Dương và tỉnh Quảng Ninh;

- Phía Bắc giáp với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh

Thái Nguyên.

Nội dung lập quy hoạch

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ

thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, an sinh xã hội, chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

Xác định nội dung Quy hoạch

Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Bắc Giang

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố,

điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Bắc Giang về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất.

- Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng.

- Phân tích bối cảnh, đánh giá, nhận định về các lợi thế, cơ hội, khó khăn, thách thức và những ưu tiên của tỉnh thời kỳ quy hoạch, trong đó tập trung phân tích, dự báo các yếu tố, điều kiện của vùng trung du và miền núi phía Bắc, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh; xác định vị thế, vai trò của Bắc Giang đối với vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành QUYẾT ĐỊNH SỐ 154/QĐ-OTTg thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định: bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng.

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng

- Thành viên Hội đồng:

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Ngoại giao;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Công an;

+ Đại diện lãnh đạo Văn phòng Chính phủ;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Xây dựng;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ;

- + Đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Công thương;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Đại diện lãnh đạo Bộ Y tế;
- + Đại diện lãnh đạo Ủy ban Dân tộc;
- + Một số chuyên gia về quy hoạch am hiểu về điều kiện của vùng do Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, lựa chọn.

3. Hoạt động của Hội đồng thẩm định

- Hội đồng thẩm định hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số

37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và tự giải thể sau khi nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 18 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; được sử dụng con dấu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình hoạt động.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định được bố trí trong chi phí lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 58/QĐ-BXD ban hành Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ.

Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất xây dựng khoảng 9-10%

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%
- Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 90%
- Tỷ lệ thoát thất thu nước sạch giảm xuống còn 18% đối với các đô thị loại IV trở lên.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt khoảng 87%.
- Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt

khoảng 24,0 m² sàn/người.

- Sản lượng sản phẩm xi măng khoảng 103 triệu tấn.

Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2020

1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống công cụ để quản lý, kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Điều hành, kiểm soát chặt chẽ dự toán ngân sách nhà nước được giao đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả.

3. Đẩy mạnh cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh một cách thực chất, hiệu quả hơn.

4. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực, đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát huy vai trò các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

5. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ.

6. Tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính; Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng.

8. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh thông tin và truyền thông.

Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP

1. Tiếp tục cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số cấp phép xây dựng.

2. Cải cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh; cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành.

3. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.

Tổ chức thực hiện

- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Chánh Văn phòng Bộ

- Trung tâm Thông tin, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng

- Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Vụ trưởng Vụ Pháp chế

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định quy định về quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND về quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Đối tượng nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt

- Đối tượng 1: Hộ gia đình, cá nhân (không gắn với hoạt động sản xuất

- Đối tượng 2: Hộ sản xuất, kinh doanh buôn bán nhỏ xen kẽ trong khu dân cư.

- Đối tượng 3: Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp; trụ sở làm việc của doanh nghiệp nhà nước; chi nhánh; văn phòng đại diện; lực lượng vũ trang; các tổ chức xã hội nghề nghiệp,...

- Đối tượng 4: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

- Đối tượng 5: Rác thải từ các khu công cộng tại đô thị

Nguyên tắc thu giá dịch vụ, mức thu giá dịch vụ, nguồn kinh phí, quản lý và sử dụng số tiền thu được từ dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt

Đối tượng 1: Hộ gia đình, cá nhân

a) Nguyên tắc thu giá dịch vụ

- Thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ thu để bù đắp chi phí cho hoạt động thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm thu gom rác tập trung. Chi phí bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy và chi phí cho khâu xử lý rác tại nhà máy do ngân sách nhà nước đảm bảo theo lộ trình ngân sách nhà nước hỗ trợ giảm dần theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

b) Mức thu giá dịch vụ: Mức thu giá dịch vụ thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm thu gom rác tập trung hoặc đến điểm chôn lấp hợp vệ sinh được xác định trên cơ sở thống nhất giữa thôn, tổ dân phố với người đi thu dịch vụ và tổ thu gom rác thải của thôn, tổ dân phố hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để quyết định trên cơ sở định mức phát thải rác sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn và đơn giá dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn theo Quyết định của UBND tỉnh.

c) Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ: Toàn bộ nguồn thu từ giá dịch vụ được để lại thôn, tổ dân phố quản lý và sử dụng để chi trả công cho người đi thu dịch vụ và chi trả tiền công (bao gồm cả dụng cụ bảo hộ lao động và Bảo hiểm y tế (nếu có)) cho người đi thu gom rác thải hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường.

Các đối tượng 2,3,4

a) Nguyên tắc thu giá dịch vụ

Thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ thu để bù đắp chi phí cho cả 3 khâu gồm: khâu thu gom rác thải từ nơi phát thải đến điểm thu gom rác tập trung; khâu bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy; khâu xử lý rác tại nhà máy.

b) Mức thu giá dịch vụ

Đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường căn cứ vào nguyên tắc thu giá dịch vụ nêu trên, định mức phát thải rác sinh hoạt của các đối tượng và đơn giá dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn theo

Quyết định của UBND tỉnh phối hợp với UBND huyện, thành phố; UBND cấp xã, các thôn, tổ dân phố để xác định mức thu giá dịch vụ làm cơ sở để tổ chức ký hợp đồng trực tiếp với đối tượng 2,3,4 nêu trên đảm bảo theo đúng quy định.

c) Đơn vị tổ chức thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường

Đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường phối hợp với UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn; các thôn, tổ dân phố để tổ chức thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt. Đơn vị thu gom có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu về tên, mức thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu.

d) Quản lý, sử dụng nguồn thu được từ dịch vụ vệ sinh môi trường

Toàn bộ nguồn thu từ dịch vụ thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt là doanh thu của đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường được sử dụng để thực hiện các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định. Số còn lại được sử dụng để phục vụ cho công tác thu dịch vụ vệ sinh môi trường và chi cho công tác thu gom; bốc xúc; vận chuyển; xử lý rác thải.

Đối tượng 5: Rác thải từ các khu công cộng tại đô thị

Trên cơ sở định mức phát thải rác thải từ các khu công cộng tại đô thị trên địa bàn và đơn giá

dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo Quyết định của UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố thực hiện ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để thực hiện theo quy định.

Toàn bộ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải do ngân sách Nhà nước đảm bảo thực hiện theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trách nhiệm của Sở Xây dựng

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lựa chọn, bố trí hạ tầng kỹ thuật đối với các điểm tập kết, khu xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo khoảng cách an toàn và yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh quyết định đơn giá dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ.

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh quyết định mức phát thải rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2020.

Xem toàn văn tại (www.hanam.gov.vn)

UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Bồi thường về đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp

Tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp công nhận lại hạn mức đất ở

Trường hợp người sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận nhưng đủ điều kiện được công nhận lại hạn mức đất ở theo quy định của UBND tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất cũng được xác định lại hạn mức đất ở như đối với trường hợp công nhận lại hạn mức đất ở khi cấp giấy chứng nhận để tính tiền bồi thường.

Phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đang đồng quyền sử dụng đất

- Trường hợp các đối tượng đồng quyền sử dụng đất được hưởng tiền bồi thường về đất tự thỏa thuận được với nhau thì lập giấy ủy quyền cho một người đại diện nhận tiền bồi thường có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) nơi có đất thu hồi. Tổ chức giải phóng mặt bằng chi trả tiền bồi thường cho người đại diện được ủy quyền của đồng quyền sử dụng đất.

- Trường hợp các đối tượng đồng quyền sử dụng đất được hưởng tiền bồi thường về đất không tự thỏa thuận được với nhau thì giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết thì số tiền bồi thường về đất được tổ chức giải phóng mặt bằng gửi vào tài khoản kho bạc nhà nước và các đối tượng đồng quyền sử dụng đất vẫn phải bàn giao đất cho tổ chức giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án.

Thu hồi đất đối với trường hợp thửa đất có diện tích đất không đủ điều kiện để làm nhà ở khi nhà nước thu hồi đất ở

1. Các thửa đất có diện tích còn lại sau khi thu hồi đất không đủ điều kiện để làm nhà ở gồm:

- Diện tích đất sau khi thu hồi chỉ còn đất ở mà diện tích, kích thước thửa đất thuộc các trường hợp như sau:

+ Đối với các phường, thị trấn: Thửa đất ở ven các trục đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, mặt đường phố mà thửa đất có diện tích nhỏ hơn 30m² hoặc thửa đất lớn hơn 30m² nhưng kích thước chiều rộng mặt tiền nhỏ hơn 3m, kích thước chiều sâu nhỏ hơn 4m.

+ Đối với các xã: Thửa đất ở ven các trục đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện mà thửa đất có diện tích nhỏ hơn 40m² hoặc thửa đất lớn hơn 40m² nhưng kích thước chiều rộng mặt tiền nhỏ hơn 3m, kích thước chiều sâu nhỏ hơn 4m.

+ Đối với các khu vực còn lại không thuộc hai trường hợp nêu trên mà thửa đất có diện tích nhỏ hơn 50m² hoặc thửa đất lớn hơn 50m² nhưng kích thước chiều rộng mặt tiền nhỏ hơn 3m, kích thước chiều sâu nhỏ hơn 4m.

Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

Căn cứ vào tình hình thực tế của từng dự án cụ thể, UBND cấp huyện tổng hợp, đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở do được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng tiền, giá trị bồi thường tính bằng (=) đơn giá thuê đất phi nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất nhân (x) với diện tích đất thu hồi tính cho cả thời gian thuê đất còn lại của đất đã thu hồi.

Bồi thường về tài sản

Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản

1. Tài sản gắn liền với đất ở bao gồm: Nhà, công trình xây dựng đơn chiếc, công trình xây dựng theo hệ thống trong khuôn viên đất (gọi chung là nhà, công trình), cây trồng trên đất có đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà bị thiệt hại, thì được bồi thường. Đối với tài sản được bồi thường theo đơn giá xây dựng mới.

2. Bồi thường, hỗ trợ công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Mức chi phí bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của công trình có kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với công trình cần di dời.

- Công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương là công trình có quy mô, kết cấu và tính năng kỹ thuật giống như hiện trạng công trình cần di dời;

- Giá trị xây dựng mới là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình có kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương và được xác định theo giá hiện hành tại thời điểm thẩm định xét duyệt phương án bồi thường:

+ Được phép vận dụng chi phí xây dựng trong bảng suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng công bố.

+ Trường hợp không vận dụng được đơn giá xây dựng mới theo quy định trên thì căn cứ biên bản điều tra hiện trạng của tổ chức giải phóng mặt bằng, hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình hoặc theo dự toán thiết kế xây dựng công trình mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Trường hợp không có hồ sơ hoàn công, quyết toán thì tổ chức giải phóng mặt bằng lập dự toán theo thực tế hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị còn lại gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt.

b) Công trình hoặc các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật có thể tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại và tiếp tục sử dụng được thì chi bồi thường, hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt với mức là 20% so với giá trị mới (cùng loại).

c) Các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật không còn sử dụng được hoặc thực tế không sử dụng thì không được bồi thường.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

- Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gồm các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

- Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

- Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng thực hiện theo quy định sau:

+ Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

+ Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương do Sở Tài chính thông báo định kỳ.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.

Xem toàn văn tại (www.hungyen.gov.vn)

UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định xác định và quản lý các chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, UBND tỉnh Vĩnh Long đã có Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ban hành quy định xác định và quản lý các chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh.

Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này hướng dẫn xác định và quản lý chi phí các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, bao gồm các dịch vụ công ích đô thị sau:

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị;
- Xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp;
- Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;
- Duy trì phát triển hệ thống cây xanh đô thị;

Các dịch vụ công ích đô thị khác như: quản lý, vệ sinh công viên; duy trì hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; duy trì đèn trang trí; duy trì bảng quang báo; duy trì hệ thống thoát nước đô thị thì căn cứ vào quy định tại quyết định này áp dụng cho phù hợp.

Nội dung dự toán chi phí dịch vụ công

ích đô thị

1. Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị
 - Nội dung dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị và xác định các thành phần chi phí trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 14/2017/TT-BXD, ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng; chi phí trực tiếp thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-BXD, ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng; chi phí quản lý chung áp dụng theo quy định tại điểm b Điều này; Lợi nhuận định mức áp dụng theo quy định tại điểm c Điều này; Thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-BXD, ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng.

- Định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung

Chi phí quản lý chung trong dự toán dịch vụ công ích đô thị được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí nhân công trực tiếp. Cụ thể tỷ lệ phần trăm (%) của từng loại dịch vụ công ích ứng với từng loại đô thị như sau:

TT	Loại dịch vụ công ích	Loại đô thị	
		II	III - IV
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị.	50%	48%
2	Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì đèn trang trí; duy trì bảng quang báo.	48%	45%
3	Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị; duy trì vệ sinh công viên, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.	47%	45%

Đối với công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công lớn hơn 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được xác định bằng 5% chi phí xe, máy, thiết bị thi công.

- Lợi nhuận định mức:

Lợi nhuận định mức được tính với tỷ lệ 5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

1. Chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị: được xác định bằng phương pháp lập dự toán; dự toán được lập căn cứ vào khối lượng công việc, nội dung công việc, số lượng nhân lực, đặc điểm, điều kiện thực tế thực hiện, yêu cầu đối với từng loại dịch vụ công ích đô thị.

- Dự toán chi phí giám sát dịch vụ công ích đô thị là các chi phí cần thiết để tổ chức giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

- Dự toán chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị là các chi phí cần thiết để cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý dịch vụ công ích đô thị tổ chức thực hiện các công việc quản lý từ giai đoạn lập kế hoạch dịch vụ công ích đô thị đến khi kết thúc dịch vụ công ích đô thị.

- Dự toán chi phí giám sát và chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt cùng lúc với dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị.

2. Trường hợp phát sinh chi phí dịch vụ công ích đô thị đã được phê duyệt thì dự toán dịch vụ công ích đô thị lập bổ sung thực hiện quy trình như dự toán dịch vụ công ích đô thị đã được lập trước đó.

Phương pháp xác định các thành phần chi phí trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Chi phí vật liệu:

Giá của từng loại vật liệu là giá thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh và được xác định trên

cơ sở giá do địa phương công bố, báo giá của các nhà sản xuất hoặc giá đã được áp dụng cho các công việc tương tự có cùng tiêu chuẩn (giá vật liệu cấu thành trong đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) tại thời điểm lập dự toán.

2. Chi phí nhân công:

Đơn giá nhân công theo cấp bậc của công nhân trực tiếp được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

3. Chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công

Giá ca xe, máy, thiết bị thi công được xác định trên cơ sở vận dụng theo phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình do UBND tỉnh quy định.

4. Thuế giá trị gia tăng áp dụng theo quy định tại Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-BXD, ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng

Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Dịch vụ công ích đô thị được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh.

UBND cấp huyện chịu trách nhiệm lập dự toán dịch vụ công ích đô thị; dự toán chi phí giám sát, dự toán chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị gửi Sở Xây dựng thẩm định; sau đó trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

2. Dịch vụ công ích đô thị được bố trí từ nguồn ngân sách huyện.

- UBND cấp huyện chịu trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt dự toán dịch vụ công ích đô thị; dự toán chi phí giám sát, dự toán chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị.

- UBND cấp huyện được thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thực hiện thẩm tra dự toán dự toán dịch vụ công ích đô thị; dự toán chi phí giám sát, dự toán chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị.

3. Thời gian lập, thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị.

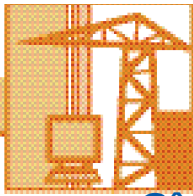
- Thời gian lập dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị theo quy định tại Khoản 2, Điều 22 Nghị định 32/2019/NĐ-CP, ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi

thường xuyên.

- Thời gian thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị tối đa 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2020.

Xem toàn văn tại (www.vinhlong.gov.vn)



Công nghệ số trong xây dựng

Thông qua bài viết, tác giả sẽ phân tích hiện trạng và triển vọng phát triển các công nghệ số trong xây dựng; nêu những khái niệm cơ bản của nền kinh tế số, sản xuất kỹ thuật số và công nghệ số; mô tả quá trình tiến hóa đặc thù trong thiết kế xây dựng (quá trình chuyển đổi từ các công nghệ "giấy" sang các hệ thống thiết kế tự động, và tiếp theo sang mô hình thông tin công trình xây dựng - BIM).

Kinh tế số, sản xuất kỹ thuật số, các công nghệ số

Khi mới ra đời, thuật ngữ "công nghệ số" biểu thị khả năng sử dụng máy tính để xử lý các mảng số lớn. Năm 1995, kỹ sư tin học người Mỹ Nicholas Negroponte (Viện Công nghệ Massachusetts) lần đầu tiên sử dụng thuật ngữ "kinh tế số", với một trong những định nghĩa phổ biến nhất như sau: Kinh tế số là một hệ thống gồm các quan hệ kinh tế, xã hội và văn hóa dựa vào việc ứng dụng các công nghệ số. Những công nghệ số hiện nay gồm có các công nghệ mô hình hóa và toán học, Big Data (khả năng làm việc với những mảng thông tin khổng lồ), các công nghệ thông minh, công nghệ định vị, dịch vụ đám mây, in 3D, cảm ứng thông minh, thiết bị di động.

Với việc sử dụng các công nghệ số, cuộc sống hàng ngày của con người thay đổi, cũng như các quan hệ sản xuất, cơ cấu nền kinh tế - giáo dục đều thay đổi; các yêu cầu mới về giao tiếp, công suất tính, các hệ thống và dịch vụ thông tin hình thành. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả sẽ đề cập tới các công nghệ số hiện đại trong lĩnh vực xây dựng.

Hiện nay, mảng dữ liệu về các vùng miền, các công trình, vật liệu và tính chất của vật liệu, các công nghệ xây dựng đang trở thành một loại tài sản mới, nhờ có giá trị thay thế (được hiểu là

ứng dụng các dữ liệu hiện có cho những mục đích mới, và việc sử dụng nhằm thực hiện những ý tưởng mới). Trong bối cảnh như vậy, Liên bang Nga bắt đầu giải quyết nhiệm vụ quốc gia - hình thành cơ sở hạ tầng có thể đảm bảo sự tương tác hiệu quả trong không gian số giữa các đối tượng chuyên ngành.

Ngành xây dựng không chỉ tạo ra việc làm và chiếm 6% GDP toàn cầu, mà còn hình thành cơ sở hạ tầng cần thiết để phát triển kinh doanh, và theo thời gian, ảnh hưởng của ngành xây dựng sẽ còn tiếp tục tăng cao. Chính việc ứng dụng các công nghệ số sẽ trở thành một yếu tố quan trọng trong sự phát triển đổi mới của ngành xây dựng, cho phép các kỹ sư, kiến trúc sư, nhà thiết kế, khách hàng và các nhà xây dựng trở thành một đội thống nhất, thực sự ăn ý và đạt được thành công khi thực hiện các dự án xây dựng cơ bản phức tạp nhất. Song chuyển sang quản lý bằng số không đơn giản là số hóa dữ liệu và các quy trình, mà còn là sự thay đổi các mô hình, giải pháp, cách tư duy và cả các "nhà quản lý".

Trong hơn một thập kỷ qua, Viện Kiến trúc & Khoa học Xây dựng Nga (RAASN) đã phát triển và ứng dụng các công nghệ số trong lĩnh vực xây dựng, xây dựng nền tảng về mặt phương pháp luận - khoa học để đào tạo đội ngũ nhân sự cần thiết. Trong tương lai, Viện sẽ là một trong những cơ quan đầu ngành giải quyết những vấn đề cấp thiết về phát triển các công nghệ số trong kiến trúc và xây dựng.

Trước khi phát minh ra máy tính và phần mềm, mọi công việc thiết kế đều được thực hiện bằng công nghệ "giấy". Thay đổi được thực hiện bằng cách sao chép các đầu mối mới và dính vào bản vẽ đang có; trong trường hợp cần chỉnh sửa nhiều cần phải tái tạo bản vẽ từ đầu. Mọi tính toán kỹ thuật được thực hiện nhờ các đồ thị

và bản tính; tất cả hồ sơ tài liệu được lưu trữ trên giấy. Điều này không hề cản trở việc xây dựng một loạt công trình kiến trúc nổi bật chỉ trong khoảng thời gian ngắn sau chiến tranh. Các thành phố, làng mạc bị phá hủy được phục dựng, bảy tòa tháp chọc trời được xây dựng tại Thủ đô Moskva, công trình đương thời cao nhất thế giới cũng được xây dựng tại Liên Xô cũ - tháp truyền hình Ostankino.

Ý tưởng tự động hóa thiết kế ra đời từ những năm 1950 gần như đồng thời với sự xuất hiện của máy tính thương mại. Phần mềm cùng với các thiết bị phần cứng cho phép tự động hóa các công việc tốn hao lao động để hoàn thiện bản vẽ. Khả năng của các chương trình đồ họa đã dần được mở rộng giúp quy trình vẽ đơn giản hơn.

Ngày nay, tiến bộ của các công nghệ thông tin trong lĩnh vực xây dựng là thực tế không thể phủ nhận. Các hệ thống thiết kế tự động hiện đại sẽ lập mô hình công trình trên máy tính. Người sử dụng có thể lập không phải là bản vẽ, mà là bản sao điện tử hoàn chỉnh của đối tượng đang được thiết kế. Các quy trình tính toán, thiết kế và xây dựng một công trình trong thực tiễn xây dựng hiện đại thường được thực hiện đồng thời, do đó cần có sự trao đổi nhanh chóng kết quả công việc giữa các đơn vị nghiên cứu, thiết kế và xây dựng (thường có khoảng cách địa lý xa nhau, và nhiều khi sử dụng những phần mềm và nền tảng máy tính không tương thích). Mô hình hóa thông tin của các công trình bao gồm việc tạo và sử dụng tổ hợp dữ liệu thiết kế tương thích và phù hợp với nhau. Các dữ liệu này được sử dụng để lập hồ sơ kỹ thuật - xây dựng, dự báo các đặc tính vận hành, đánh giá chi phí và lập kế hoạch thi công, và quản lý công trình xây dựng về sau.

Những thành tựu của mô hình toán học và mô hình máy tính về tải trọng và các tác động

Vấn đề chung đối với tất cả các công trình xây dựng là mức tải (tải trọng lên các kết cấu xây dựng, tải trọng công nghệ, tải trọng tạm thời từ con người theo mức độ lấp đầy các căn phòng, các không gian...) và tác động lên các tòa nhà/ công trình trong suốt vòng đời. Đối với các tòa nhà/công trình có hình dáng bất thường, nhiệm vụ cấp bách (tuy nhiên chưa được giải quyết hoàn toàn) là mô hình hóa các luồng gió và tải trọng gió lên các tòa nhà/ công trình, các tổ hợp công trình. Việc phân tích hoạt động của toàn bộ tòa nhà và từng yếu tố kết cấu riêng biệt trong luồng gió giúp phát hiện các biến dạng tĩnh cũng như các hiện tượng mất ổn định khí đàn hồi (do hình dạng của mặt cắt ngang, cấu hình của tòa nhà và hướng của tòa nhà đối với hướng của luồng gió, tính đàn hồi và giảm chấn của các kết cấu, đặc điểm địa hình). Những hiện tượng vừa nêu ảnh hưởng đáng kể đến độ tin cậy và tuổi thọ của các kết cấu, sự tiện nghi sinh hoạt của những người ở trong tòa nhà đó. Trong số đó, các dao động xoáy tương đối phổ biến, chẳng hạn như cộng hưởng gió, rung lắc... Đặc biệt quan trọng là việc đánh giá áp lực gió tối đa và tối thiểu lên các bề mặt bao che có tính đến sự truyền tĩnh. Tải trọng gió và tải trọng địa chấn được ứng dụng trong các tính toán có lịch sử quan sát tương đối ít (100 - 150 năm), điều này là trở ngại để chuẩn hóa các mức tải trong khoảng thời gian dài hơn.

Để xác định các thông số tính toán của những dao động, cần áp dụng kết quả thử nghiệm của các mô hình lớn trong các ống khí động học chuyên dụng để tái tạo lớp biên khí quyển. Tuy nhiên, các thử nghiệm này khá tốn kém, hơn nữa ở Nga hiện mới chỉ có một số loại ống đáp ứng các yêu cầu hiện đại. Đối với các mô hình quy mô hơn, việc thử nghiệm cần thực hiện ở nước ngoài.

Phương pháp mô hình hóa thí nghiệm các

luồng gió và các tác động lên những tổ hợp cao tầng, hình dạng độc đáo luôn có những hạn chế và sai sót do tính phức tạp khi tạo một mô hình như vậy về mặt động học. Trong thời gian gần đây, RAASN đã nghiên cứu phát triển một lĩnh vực khoa học mới - thủy khí động lực học tính toán, tức là xác định sự phân bố tải trọng gió, tải trọng băng tuyết, các hệ số khí động học dựa trên những giải pháp cho các vấn đề căn bản của khí động học bằng công nghệ số trên máy tính.

Các thông số khí động học sẽ được tính toán có tính đến những hình thù khác nhau của công trình xây dựng, mối tương quan với môi trường xây dựng xung quanh cũng như địa hình khu vực. Trong những năm tới, vai trò của mô hình toán học chắc chắn sẽ được nâng cao. Các mô hình tham số tương ứng và kết quả của mô hình số của khí động học gió trong tương lai cần phải được sử dụng để thiết lập và vận hành hệ thống giám sát công trình.

Những thành tựu hiện nay của mô hình toán học là khả năng tính toán chính xác trạng thái ứng suất - biến dạng, động lực học và tính ổn định khi có sự kết hợp cơ bản và kết hợp đặc biệt của những mức tải và tác động khác nhau ở các giai đoạn quan trọng trong vòng đời công trình.

Một trong những vấn đề chính trong việc tính toán các cấu trúc độc đáo là khối lượng tính toán khổng lồ - từ vài triệu đến hàng chục triệu ẩn số, nằm ở ngưỡng năng lực tiếp cận của các tổ hợp phần mềm máy tính hiện đại.

Xác định ngưỡng bền cháy thực tế của các kết cấu xây dựng cũng là vấn đề vô cùng cấp thiết hiện nay. Các phương pháp truyền thống của Nga dựa trên các nghiên cứu trong những năm 60 - 70 thế kỷ XX, tương hợp với khả năng tính toán ở thời kỳ đó. Cách đáng tin cậy nhất để xác định ngưỡng bền cháy là thử nghiệm cháy các mô hình kết cấu trong điều kiện hỏa hoạn tiêu chuẩn. Tuy nhiên, kiểu thử nghiệm này khá

tốn kém, và đối với các kết cấu nhịp lớn gần như bất khả thi do kích thước hạn chế của các buồng cháy hiện nay. Giải pháp cho vấn đề này là xác định ngưỡng bền cháy bằng các phương pháp tính toán.

Tính đàn hồi nhiệt cũng là một nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực xây dựng. Nói chung, việc xác định trường nhiệt độ và trường ứng suất có liên quan tới nhau, trong đó có tính tới ảnh hưởng của ứng suất đến sự phân bố nhiệt độ và nhiệt được giải phóng khi kết cấu biến dạng do tải trọng bên ngoài.

Độ tin cậy, tính đầy đủ xác thực của các kết quả và kết luận được xác định bởi 2 yếu tố - trình độ của những người tính toán và chất lượng của phần mềm được sử dụng, đương nhiên có tính tới những ảnh hưởng nhất định của trình độ người dùng.

Công nghệ số trong các nghiên cứu thử nghiệm và thực địa. Mối tương quan với mô hình toán học

Giai đoạn quan trọng nhất trong giám sát các tòa nhà/ công trình là lập các bản vẽ và mô hình tương thích của công trình hiện có nhờ các thiết bị laser. Ví dụ tháp Shukhov được xây dựng từ năm 1922 và hiện cần được phục chế khẩn cấp, tuy nhiên, thiết kế ban đầu và các bản vẽ trong lần tái thiết năm 1937 đã không được lưu giữ.

Để tái dựng các bản vẽ, hệ thống quét laser xung trên mặt đất đã được sử dụng, cho phép quét ở khoảng cách tới 600m với độ chính xác xác định khoảng cách tới 5mm. Kết quả của quá trình quét là đám mây điểm (mô hình điểm ba chiều của vùng không gian xung quanh thiết bị quét. Sau khi thực hiện công việc, mô hình điểm ba chiều hoàn chỉnh của tòa tháp được hình thành (với khoảng 50 triệu điểm), theo đó mô hình khung ba chiều kỹ thuật số của tháp được thực hiện, dựa vào đó các bản vẽ đo đạc, sơ đồ

tính toán được thiết lập, và tất cả các công việc thiết kế cần thiết đã được hoàn thành.

Đối với vấn đề giám sát các kết cấu chịu lực của tòa nhà/ công trình, có các biện pháp giám sát bằng công cụ - đo đạc trắc địa, quan sát về mặt kỹ thuật - địa chất tình trạng khối đất nền, đo tải trọng và biến dạng trong các kết cấu móng và phần trên mặt đất.

Một xu hướng tiềm năng là sử dụng các kết cấu xây dựng có các yếu tố nhạy cảm kết nối với mạng trí tuệ nhân tạo, cho phép xác định chính xác loại hư hại, vị trí hư hại dựa trên công nghệ nhận diện các mẫu. Phương pháp đo địa chấn cho phép kiểm tra toàn bộ tòa nhà, xác lập những thay đổi quan trọng trong các kết cấu chịu lực mà không cần tác động của công cụ, không cần kiểm tra trực quan từng kết cấu. Phương pháp này bảo đảm độ chính xác trong việc xác định các tần số riêng và các hình thức dao động có thể gây ra những thay đổi cục bộ tình trạng của các kết cấu (kể cả sự phá vỡ), chẳng hạn có thể xác định tình trạng bắt đầu bị phá hủy của tất cả các kết cấu chịu lực theo sự biến đổi giá trị của các tần số cao đo được.

Công nghệ số trong sản xuất vật liệu, chế phẩm và kết cấu xây dựng

Rất có thể công nghệ in 3D sẽ là tương lai của ngành xây dựng. Chính in 3D trong tương lai sẽ giải quyết dứt điểm vấn đề nhà ở. Bằng máy in 3D, tất cả các đối tượng được in theo từng lớp; nhựa tổng hợp, bê tông và thép đều có thể được sử dụng làm vật liệu để in.

Hiện nay, sự phát triển của công nghệ in 3D đang được duy trì về quy mô. Để xây một ngôi nhà lớn cao khoảng hai hoặc ba tầng, sẽ cần một máy in kích thước khổng lồ đắt tiền. Giải pháp thay thế là “hướng dẫn” một máy in ba chiều di chuyển dọc theo giàn giáo đặc biệt để xây các bức tường theo một chương trình có sẵn. Cũng chính vì vậy, cho đến nay tất cả các

ngôi nhà được in đều khá nhỏ, hoặc gồm những module rời hoặc được lắp ghép từ các chi tiết có sẵn. Ý kiến của các chuyên gia về triển vọng của công nghệ in 3D cũng không đồng nhất. Nhiều chuyên gia vẫn bảo lưu ý kiến không nên xây toàn bộ tòa nhà theo cách này do không có lợi nhuận. Hiện tại, in nhà bằng máy in 3D nặng về đua tranh giành kỷ lục hơn là khởi đầu cho việc xây nhà đại trà và có giá rẻ.

Công nghệ in ba chiều giúp việc tạo ra sản phẩm đơn giản hơn rất nhiều. Đặc biệt, máy in 3D cho phép sử dụng các vật liệu khác nhau để in những kết cấu hình dạng tùy ý mà không thể thực hiện bằng các công nghệ sản xuất thông thường, và giảm mức tiêu hao vật liệu.

Trong những năm gần đây, Nga đã bắt đầu sử dụng các hệ thống điều khiển tự động ba chiều được cài đặt trên các thiết bị đổ bê tông và tăng công suất đáng kể (công nghệ laser 3D để đổ bê tông).

BIM – những ý tưởng “kinh tế số” trong xây dựng và thực trạng hiện nay

Giai đoạn cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI được đánh dấu bằng sự ra đời của một giải pháp mới trong thiết kế - tạo ra mô hình máy tính của một công trình xây dựng mới có chứa toàn bộ thông tin về công trình tương lai, và là công cụ để kiểm soát vòng đời của chính công trình đó. Đây là công nghệ BIM. BIM là phương thức hoàn hảo để giải quyết các vấn đề tạo hình, sử dụng không gian và trình bày một dự án. BIM là công cụ trực quan tuyệt vời và giải quyết hữu hiệu các xung đột vị trí của các đối tượng khác nhau.

Công nghệ số trong kinh tế xây dựng

Sự phát triển các công nghệ số đã cho phép Liên bang Nga tạo ra hai hệ thống thông tin mới cấp liên bang, kể từ tháng 1/2018 - Hệ thống định giá xây dựng quốc gia và Hệ thống thống nhất của quốc gia trong đăng ký kết luận.

Nhiệm vụ chính của Hệ thống định giá là

giám sát chi phí tài nguyên xây dựng đối với mỗi chủ thể Liên bang. Hệ thống cho phép gia tăng độ chính xác của các dự toán nhờ chuyển sang phương pháp lập hồ sơ dự toán. Hệ thống sử dụng công cụ phân loại và mã hóa mới của tài nguyên xây dựng, bao gồm gần 69 nghìn đầu mục (vật liệu, sản phẩm, cấu trúc, thiết bị, máy móc và các cơ chế).

Hệ thống đăng ký kết luận sẽ bảo đảm việc tiếp cận các thông tin về kết luận chuyên gia liên quan đến các công trình xây dựng cơ bản, gồm cả những dự án tái sử dụng hiệu quả. Điều này sẽ làm tăng tính thông tin mở về hoạt động của các tổ chức chuyên môn.

Nhà thông minh, quận thông minh, thành phố, vùng và đất nước thông minh - triển vọng tươi sáng

Nhà thông minh hoặc các tòa nhà thông minh dần dần (hoặc thường xuyên) giúp tiết kiệm các chi phí vận hành và nâng cao tính tiện nghi cho những người trong các tòa nhà đó.

Thành phố thông minh là một khái niệm chiến lược về phát triển không gian đô thị, hàm ý việc cùng sử dụng các công nghệ thông tin-truyền thông để quản lý hạ tầng đô thị.

Nhờ sử dụng các cảm biến được tích hợp với hệ thống giám sát trong thời gian thực, dữ liệu được thu thập trực tiếp từ các thiết bị liên quan và người dân, sau đó được xử lý và phân tích.

Tuy nhiên, ý tưởng xây dựng hạ tầng đô thị toàn năng, được quản lý bởi Chính quyền địa phương từ một trung tâm thống nhất phản ánh

mô hình quản lý đô thị theo chiều dọc. Chính khả năng kết nối trực tiếp con người hoặc thiết bị sẽ kích thích sự xuất hiện của các kiểu hành vi mới, trong đó nhà điều phối duy nhất không còn cần thiết. Dự báo với sự phát triển của các hệ thống mới và mô hình hành vi mới, khái niệm tương tự về thành phố thông minh sẽ lui vào quá khứ.

Nhìn chung, chất lượng của các văn bản tiêu chuẩn quy định việc sử dụng công nghệ thông tin và các công trình nghiên cứu khoa học liên quan còn thấp. Để khắc phục tình trạng này, RAASN cần tham gia không chỉ thẩm định các dự thảo tiêu chuẩn mà cả xây dựng yêu cầu thiết kế, và đánh giá các dự án trong những cuộc thi liên quan do Cơ quan Tiêu chuẩn, Tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp kỹ thuật trong xây dựng của Liên bang tổ chức.

Cộng đồng chuyên gia do RAASN điều phối cần phải xây dựng cho Cơ quan này danh mục các lĩnh vực cơ bản, và có thể đề xuất các nhóm nghiên cứu các tiêu chuẩn này.

Để kết luận, cần lưu ý một vấn đề nữa: tuy có những thành tựu không thể phủ nhận, quy trình số hóa nếu thiếu tư duy logic vẫn có thể đưa loài người quay trở về điểm khởi đầu.

V.I.Travush - Viện sỹ Viện Kiến trúc & Khoa học Xây dựng Nga

Nguồn: Tạp chí Khoa học Xây dựng tháng 11/2018

ND: Lê Minh

Các sáng kiến năng lượng truyền cảm hứng cho các thành phố thông minh

Theo Báo cáo Hiện trạng Năng lượng tái tạo toàn cầu cấp đô thị năm 2019, trong nỗ lực đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo (NLTT), các thành phố trên khắp thế giới đang hướng tới các

mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị, môi trường, kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng.

Năng lượng tái tạo có tiềm năng làm giảm biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí. Về an

sinh con người, NLTT giúp cải thiện sức khỏe và tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn. Ở những nơi chưa tiếp cận được điện lưới thì có thể sử dụng NLTT. Ngoài ra NLTT còn giúp cho việc tiết kiệm chi phí năng lượng trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Tăng cường an ninh năng lượng và hiệu quả quản trị là các động lực chính cho việc chuyển đổi phát triển NLTT. Các thành phố trên khắp thế giới đang áp dụng năng lượng tái tạo ở các dạng khác nhau với những lý do khác nhau.

Dưới đây là 3 sáng kiến năng lượng tái tạo, đi kèm với các thách thức:

Biến chất thải hữu cơ thành năng lượng tái tạo

Thành phố Yabu (Nhật Bản) đã xây dựng một nhà máy mới sản xuất khí Biogas từ chất thải hữu cơ, xử lý phế thải nông nghiệp và rác thải sinh hoạt để tạo ra năng lượng. Các vật liệu hữu cơ trong rác thải sẽ được chuyển hóa thành NLTT qua quá trình phân hủy kỵ khí. Khí Biogas thu được sẽ được dùng để phát điện, tạo ra khoảng 1,4 megawatt giờ (MWh) điện năng mỗi năm. Nhiệt phế thải từ quá trình này được sử dụng cho một nhà kính - là một hạng mục của dự án được xây dựng để tận dụng nhiệt phế thải từ nhà máy mới.

Dự án nhà máy sản xuất khí Biogas từ chất thải hữu cơ của thành phố Yabu sử dụng công nghệ của Công ty Anaergia Inc (Canada) và do Công ty Toyo Energy Solution Co, - một công ty con của Toyo Group - đầu tư xây dựng.

Theo Báo cáo, nhà máy được trang bị các thiết bị tiên tiến để xử lý hỗn hợp chất thải nông nghiệp và rác thải sinh hoạt. Các thiết bị này bao gồm hệ thống băng chuyền và tách chất thải hữu cơ từ rác thải chưa phân loại BIOREX, và các thiết bị xử lý và thu hồi nguyên liệu độc quyền khác của Anaergia Inc.

Nước thải từ nhà máy cũng sẽ được chuyển

đổi thành NLTT thông qua quá trình xử lý kỵ khí. Nước thải cũng được tái chế đảm bảo chất lượng để sử dụng nhờ ứng dụng màng lọc thế hệ mới của Công ty Fibracast thuộc Anaergia Inc.

CEO của Công ty Anaergia Inc, TS. Andrew Benedek cho biết, việc triển khai các công nghệ vượt trội trong nhà máy sẽ đóng vai trò như một mô hình về các giải pháp sáng tạo và linh hoạt để quản lý chất thải và sản xuất NLTT nhằm phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Một ngôi làng sản xuất thêm 500% năng lượng so với nhu cầu

Wildpoldried, một ngôi làng ở Bavaria (Đức) với khoảng 2600 dân tạo ra sản lượng NLTT cao hơn 500% nhu cầu tiêu dùng. Phần dư được bán và phát lên lưới để thu lợi nhuận.

Tại ngôi làng này, người ta đã đầu tư một loạt các dự án NLTT trong suốt 18 năm qua, bao gồm 4.983 kWp quang điện, 5 nhà máy Biogas, 11 tuabin gió và một trạm thủy điện. Ngoài ra, ngôi làng này cũng có 2.100 m² pin mặt trời và các hệ thống sưởi sử dụng khí Biogas. Có 05 ngôi nhà được sưởi bằng hệ thống địa nhiệt, nhiều ngôi nhà mới xây dựng đã ứng dụng kỹ thuật "nhà thụ động".

Từ năm 2009, làng Wildpoldried cam kết hướng tới năng lượng xanh, bao gồm 03 lĩnh vực trọng tâm:

- Năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng
- Xây dựng các công trình sinh thái sử dụng các vật liệu xây dựng sinh thái; và
- Bảo tồn tài nguyên nước (nước mặt và nước ngầm) và xử lý nước thải sinh thái.

Để thực hiện các lĩnh vực trọng tâm, Wildpoldried nỗ lực sản xuất 100% điện từ các nguồn năng lượng tái tạo. Sáng kiến tiến triển nhanh hơn nhiều so với dự đoán. Đến năm 2011, ngôi làng này đã đáp ứng được 321% nhu cầu điện năng và thu được 5,7 triệu USD từ việc bán lượng điện dư thừa.

An ninh năng lượng

Sáng kiến này xuất phát từ việc đèn đường tại các khu dân cư ở Michigan bị cắt điện do chính quyền nợ tiền điện. Người dân khu vực này đã có những nỗ lực riêng để lắp đặt đèn đường bằng năng lượng tái tạo.

Vùng ngoại ô Detroit chịu sự độc quyền của Công ty năng lượng DTE. Công ty này đã cắt điện đường mà không thông báo trước, khiến cho người dân trong khu vực gặp khó khăn trong việc đi lại vào buổi tối.

Để không bị phụ thuộc vào Công ty DTE, người dân trong khu vực đã đưa ra sáng kiến sử dụng năng lượng tái tạo, tiến hành gây quỹ cộng đồng để lắp đặt đèn đường ngoài lưới sử dụng năng lượng mặt trời từ năm 2012. Để chủ

động hơn nữa và lắp đặt thêm đèn đường, một nhóm có tên Soulardarity đã được thành lập.

Từ kinh phí huy động của cộng đồng, Soulardarity đã lắp đặt 7 bóng đèn năng lượng mặt trời đầu tiên trong khu dân cư, từ đó mở rộng thêm, và đưa ra Đề án chiếu sáng đường phố sử dụng năng lượng mặt trời. Theo đó, nếu thay thế toàn bộ đèn đường thông thường bằng đèn năng lượng mặt trời, thành phố có thể thu được 3 triệu USD trong 15 năm. Trên thực tế, việc này không chỉ tiết kiệm chi phí điện năng mà còn giúp giảm lượng phát thải carbon.

ND: Mai Anh

Nguồn: <https://www.smartcity.press/renewable-energy-generation/>

Các ứng dụng điện thoại di động cho thành phố thông minh

Các phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động (Apps) phát triển mạnh mẽ song hành với mức độ phổ biến điện thoại thông minh trên toàn cầu. Hiện tại, có 2,6 triệu ứng dụng trên hệ điều hành Android và 2,2 triệu ứng dụng trên hệ điều hành iOS cho hơn 5 tỷ người sử dụng điện thoại di động trên toàn thế giới.

Từ các App trò chơi cho đến mua sắm, các ứng dụng trên điện thoại di động đã thu hẹp khoảng cách giữa thế giới thực và ảo, quan trọng hơn, nó kết nối con người với nhau. Các Apps đã xuất hiện trước khi thuật ngữ thành phố thông minh trở nên phổ biến. Các đô thị đã sớm nhận thấy hiệu quả của các Apps trong việc quản trị thành phố và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Các công nghệ IoT, công nghệ truyền thông, cảm biến là có thể được tích hợp dễ dàng với các ứng dụng. Điều này dẫn đến sự ra đời của các Apps ứng dụng cho thành phố thông minh.

Hiện nay, có một thị trường khổng lồ của các ứng dụng thông minh sử dụng dữ liệu thời gian thực (real-time data) và tùy biến, giá rẻ và dễ sử dụng. Với sự phát triển không ngừng của các thành phố, các ứng dụng thành phố thông minh được dự báo sẽ tăng theo cấp số nhân trong thập kỷ tới.

Ứng dụng MyTown

Công ty RealTerm Energy (Mỹ) đã cho ra mắt Apps MyTown - một ứng dụng thành phố thông minh cho phép người dân phản ánh trực tiếp với chính quyền địa phương. Ứng dụng này có thể bao gồm các vấn đề liên quan đến thu gom rác thải, chỗ đỗ xe, ổ gà, gián đoạn đèn đường, v.v. Ngoài ra, nó còn cung cấp cho công dân quyền truy cập vào hơn 30 nguồn thông tin khác nhau. Nó có các tab tùy chỉnh bao gồm cảnh báo trường học và xe buýt, cập nhật về tình trạng cấm đường, hạn chế sử dụng nước, các chương trình xử lý và tái chế rác thải, thời

gian chờ đợi của bệnh viện và v.v.

App này cho phép gửi thông tin ẩn danh đến lãnh đạo chính quyền hoặc trường học thông qua đường dây nóng “HotLine”.

MyTown nhằm mục đích tăng cường sự tham gia của công dân vào công việc của chính quyền, đồng thời giúp chính quyền phản ứng nhanh hơn các kiến nghị của người dân. Theo Công ty RealTerm Energy, ứng dụng này đã phục vụ hơn 30 thành phố và 3,6 triệu dân trên khắp Bắc Mỹ.

Ứng dụng Cowlines

Cowlines là một ứng dụng vận tải đa phương thức được ra mắt gần đây tại 62 thành phố trên khắp Canada và Bắc Mỹ. Một trong số đó có Oakland, Los Angeles, New York, San Francisco, San Jose, San Diego, Seattle và Toronto.

Ứng dụng này tích hợp giao thông công cộng, chia sẻ xe đạp, chia sẻ xe ô tô, dùng chung taxi. Điều này tạo thuận lợi cho người dân đi lại trong thành phố. Người dùng có thể sử dụng ứng dụng miễn phí để lên kế hoạch đi lại hàng ngày, đồng thời có thể chọn tuyến đường, phương tiện nhanh nhất, rẻ nhất và xanh nhất.

Ứng dụng này cũng cho biết tổng chi phí và thời gian của chuyến đi. Từ các dữ liệu đó, có thể tính toán mức độ phát thải carbon. Do đó, bên cạnh việc tạo ra một hệ thống vận chuyển đa phương thức hiệu quả, ứng dụng này cũng giúp định lượng lượng khí thải GHG bằng cách tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Ứng dụng Cowlines giúp điều hướng trơn tru cho người dân, chống biến đổi khí hậu.

Ứng dụng SmartAPPCity

Đây là một trong những ứng dụng tổng hợp hầu hết các giải pháp cho thành phố thông minh. SmartAPPCity được ra mắt tại Tây Ban Nha nhưng được thiết kế để có thể thích ứng với

mọi thành phố trên thế giới. Ngày nay, ứng dụng này còn được sử dụng ở Chile, Costa Rica và Ấn Độ.

Ứng dụng này không chỉ phục vụ nhu cầu của người dân mà phục vụ cả chính quyền thành phố, doanh nghiệp và du khách. Sử dụng mô hình đối tác công - tư, ứng dụng cho phép chính quyền thành phố phục vụ người dân bằng cách hiển thị thông tin và các sự kiện quan trọng. Trong khi đó, các doanh nghiệp (thuộc bất kỳ lĩnh vực nào) có thể cung cấp sản phẩm và dịch vụ của họ thông qua ứng dụng và quảng bá doanh nghiệp của họ thông qua hệ thống thông tin địa lý. Tất cả mọi người, bao gồm khách du lịch, đều có thể xác định danh sách các cửa hàng, thông tin liên lạc và chỉ dẫn đến điểm đến ưa thích. Tìm kiếm có thể được thực hiện bằng cách chỉ cần nhập từ khóa. Ngoài ra, công dân có thể gửi các khiếu nại đến chính quyền thành phố bằng cách đính kèm âm thanh, video và hình ảnh. Tùy chọn có sẵn để nhận câu trả lời cá nhân hoặc ẩn danh.

SmartAPPCity đã được công nhận là App ứng dụng sáng tạo nhất và tiềm năng lớn nhất tại cuộc thi FIWARE Smart City Challenge ở Brazil, trong số 423 Apps dùng cho Thành phố thông minh tham gia cuộc thi.

Ứng dụng Blindsquare

Blindsquare là ứng dụng trên điện thoại di động được thiết kế cho người khiếm thị. Đây là một trong những ứng dụng được sử dụng rộng rãi nhất dựa trên công nghệ GPS. Nó cung cấp 1 thiết bị tự phát ra tiếng nói và với các thông tin chi tiết. Điều này cho phép những người khiếm thị có thể di chuyển một cách an toàn và độc lập cả trong nhà và bên ngoài.

Để bắt đầu, người dùng cần lắp thiết bị để nghe địa chỉ hiện tại. Ứng dụng sẽ phát hiện vị trí và thu thập thông tin về môi trường xung quanh dựa trên hệ thống định vị và bản đồ. Sau

đó, ứng dụng cung cấp thông tin liên quan đến các giao lộ và địa điểm gần nhất như quán cà phê, thư viện, ngân hàng, v.v. Khi người dùng di chuyển đến nơi cần đến, ứng dụng sẽ theo dõi lộ trình và định kỳ thông báo khoảng cách và hướng đi. Để tìm đường quay trở lại, người dùng chỉ cần đánh dấu vị trí của mình. Hơn nữa, ứng dụng cung cấp các bộ lọc có thể được người dùng áp dụng khi họ cần xác định một địa điểm cụ thể. Blindsquare thông báo thông tin bằng 25 ngôn ngữ khác nhau.

Ứng dụng cứu sinh NOAH

Philippines là quốc gia dễ bị tổn thương bởi thiên tai như động đất, bão lũ, sóng thần, núi lửa phun... Vì thế, với mục đích giảm thiểu tác động của thảm họa tự nhiên, Chính phủ Philippine đã cho ra mắt ứng dụng Đánh giá các mối nguy hiểm quốc gia (NOAH).

Ứng dụng này sử dụng các tính năng và công nghệ hiện đại nhất để thu thập dữ liệu từ các cảm biến nước và lượng mưa, công nghệ hình ảnh và hệ thống đánh giá lở đất. Người dân có thể cập nhật thông tin thông qua ứng dụng di động và trang Web chính thức. Với dữ liệu này, cư dân có thể đưa ra quyết định về việc có cần di chuyển lên vùng đất cao hơn hay không. Và các địa phương có thể sử dụng dữ liệu này để đánh giá nhanh và hiệu quả các cơn bão và kế hoạch tiếp cận đối phó.

Ứng dụng NOAH giúp người dân nhận thức về các mối nguy hiểm tự nhiên, hỗ trợ họ sẵn sàng đối phó. Ứng dụng này không ngừng cải thiện các hệ thống quản lý và thông tin cảnh báo thiên tai.

Ứng dụng an toàn: Safe & The City (SatC) app

Ra mắt vào năm 2018, ứng dụng Safe & The City được thiết kế đặc biệt để giảm các vụ quấy rối tình dục. Bác sĩ y học cộng đồng Jillian Kowalchuk - người bị lạm dụng bằng lời nói

(verbal abuse) khi đang đi trên đoạn đường tối vào ban đêm ở Luân Đôn - là người đã phát triển Apps này.

Hiện nay, đã có nhiều ứng dụng di động để bảo vệ sự an toàn cho phụ nữ. Tuy nhiên, Kowalchuk đưa ra một cách tiếp cận thông minh hơn. Cô đã sử dụng GPS, thông tin cộng đồng và dữ liệu cảnh báo rủi ro của cảnh sát để giảm số nạn nhân của bất kỳ tội phạm cơ hội nào.

Ứng dụng Safe & The City tích hợp với một loạt các tính năng mới với giúp bảo vệ nữ giới, đặc biệt là nữ giới sinh sống ở Luân Đôn.

Ứng dụng Upcoming Miami

Hạt Miami - Dade dự kiến sẽ phát triển một ứng dụng có thể trao giải thưởng cho những người sử dụng phương tiện giao thông bền vững để đi lại trong khu vực. Sáng kiến này nhằm giảm tắc nghẽn giao thông ngày càng gia tăng trong vùng.

Sở Giao thông và Công trình Công cộng của Miami đã hợp tác với Cty Velocia để khuyến khích hành khách lựa chọn các phương án di chuyển khác nhau. Khi hành khách làm như vậy, họ sẽ nhận được phần thưởng có thể đổi được dưới hình thức của Vel Velos. Những phần thưởng này có thể được đổi trong hệ sinh thái di động Velocia. Velocia là 1 nền tảng cho tính di động. Điều này cho phép người dùng được giảm giá ngay lập tức trên các dịch vụ vận chuyển có sẵn. Ngoài ra, người dùng cũng sẽ có thể đổi Velos để được giảm giá trong tất cả các ứng dụng đối tác như Lyft và chia sẻ chuyến đi Uber.

Tất cả các ứng dụng thành phố thông minh nói trên đã sẵn có cho các thiết bị Android và iOS.

ND: Mai Anh

Nguồn: <https://www.smartcity.press/smart-city-apps/>

Kiên trì ưu tiên tiết kiệm nước, thúc đẩy phát triển xanh - Kinh nghiệm tiết kiệm nước tại thành phố Thượng Hải

Tháng 5/2002, Bộ Xây dựng Trung Quốc (nay là Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc), Ủy ban Kinh tế và Thương mại quốc gia Trung Quốc đã trao tặng danh hiệu “Đô thị tiết kiệm nước” cho thành phố Thượng Hải. Những năm gần đây, Thượng Hải không ngừng củng cố thành quả xây dựng đô thị tiết kiệm nước của mình đồng thời thúc đẩy quá trình công tác xây dựng xã hội tiết kiệm nước thông qua hoàn thiện các biện pháp như quy định pháp luật về tiết kiệm nước, đổi mới cơ chế quản lý tiết kiệm nước, củng cố cơ sở quản lý tiết kiệm nước, thúc đẩy khoa học kỹ thuật để tiết kiệm nước... từ đó từng bước hình thành hệ thống quản lý sử dụng nước tiết kiệm trong toàn xã hội, toàn ngành nghề, toàn quá trình và có phạm vi rộng khắp.

1. Các chỉ tiêu tiết kiệm nước chủ đạo

Năm 2018, lượng nước sử dụng tại thành phố Thượng Hải trên 10 nghìn nhân dân tệ GDP là 23m³, đã giảm 25,8% với 31m³ so với thời điểm cuối của giai đoạn “5 năm lần thứ 12”. Lượng nước sử dụng trên 10 nghìn NDT giá trị gia tăng công nghiệp là 40m³, giảm 24,5% so với mức 53m³ tại thời điểm cuối giai đoạn “5 năm lần thứ 12”. Tỷ lệ tái tận dụng nước sử dụng trong công nghiệp là 92,7%, tăng 9,3% so với tỷ lệ 83,4% cuối giai đoạn “5 năm lần thứ 12”.

2. Các biện pháp tiết kiệm nước chủ đạo

- Kết cấu ngành công nghiệp tiết kiệm nước đô thị không ngừng được tối ưu hóa

Bám sát chiến lược “đổi mới thúc đẩy phát triển, chuyển đổi nâng cấp nền kinh tế”, từ các vị trí chủ đạo trong ngành công nghiệp truyền thống như dầu mỏ, hóa chất, gang thép, máy móc, dệt may..., Thượng Hải đã từng bước

chuyển biến thành hệ thống công nghiệp hiện đại với các ngành chủ đạo như thông tin điện tử, chế tạo xe hơi, ngành chế tạo hiện đại, y tế sinh học...

- Hệ thống chính sách pháp luật về tiết kiệm nước đô thị không ngừng được kiện toàn

Cho tới hiện tại, các quy định pháp luật mang tính địa phương về triển khai công tác quản lý sử dụng tiết kiệm nước phải kể đến “Các quy định về quản lý tài nguyên nước thành phố Thượng Hải”, “Điều lệ quản lý cấp nước thành phố Thượng Hải”, “Biện pháp quản lý sử dụng nước tiết kiệm tại thành phố Thượng Hải”... Các văn kiện mang tính quy phạm về tiết kiệm nước phải kể đến “Quy định quản lý hoạch định chỉ tiêu kế hoạch sử dụng nước thành phố Thượng Hải”, “Quy định quản lý sử dụng nước tiết kiệm “3 đồng thời, 4 tại chỗ”, “Định mức sử dụng nước tại thành phố Thượng Hải (thử nghiệm thực thi)”, “Quy định quản lý kiểm tra cân bằng nguồn nước”, “Chỉ tiêu đánh giá và biện pháp đánh giá về khu công nghiệp, doanh nghiệp (đơn vị), trường học (khu vực trường học) và tiểu khu tiết kiệm nước thành phố Thượng Hải” ...

- Tăng cường quản lý sử dụng nước có kế hoạch

Từ năm 1985, trong phạm vi toàn thành phố Thượng Hải đã triển khai công tác quản lý sử dụng nước có kế hoạch. Việc sử dụng nước có kế hoạch đóng vai trò là biện pháp cân cân kinh tế, có thể giúp các doanh nghiệp tận dụng hợp lý tài nguyên nước, thúc đẩy doanh nghiệp tiến hành công tác cải cách kỹ thuật tiết kiệm nước. Hiện tại, toàn thành phố Thượng Hải có rất nhiều đơn vị sử dụng nước phi cư dân thực hiện

quản lý sử dụng nước có kế hoạch đồng thời thi hành công tác tăng thu phí nước đối với việc sử dụng nước vượt kế hoạch. Những năm gần đây, phí nước gia tăng bình quân cả năm do sử dụng vượt kế hoạch là khoảng 70 triệu NDT. Ngoài ra, thành phố Thượng Hải còn thực hiện mô hình quản lý kết hợp sử dụng nước có kế hoạch và định mức sử dụng nước nhằm nâng cao trình độ quản lý tiêu chuẩn hóa và để tiết kiệm nước một cách khoa học.

- *Cải tạo kỹ thuật tiết kiệm nước sinh hoạt cho đô thị và các doanh nghiệp công nghiệp*

Trong phương diện cải tạo kỹ thuật tiết kiệm nước, thành phố Thượng Hải đã sử dụng các biện pháp chủ đạo như: Định kỳ triển khai đánh giá cân bằng nước tại các đơn vị sử dụng nước; Triển khai cải tạo kỹ thuật tháo làm mát nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng nước; Thí điểm tận dụng tài nguyên nước tại khu khai thác kinh tế kỹ thuật Kim Kiều; Thúc đẩy xây dựng mạng lưới quản lý giám sát sử dụng nước năng động, thực hiện tiết kiệm nước thông minh; Thúc đẩy công tác nghiên cứu thí điểm tiết kiệm nước theo hợp đồng và đẩy mạnh triển khai công tác đổi miễn phí vòi nước cũ cho cư dân; Triển khai xây dựng thể tài tiết kiệm nước trong các doanh nghiệp công nghiệp, các cơ cấu công cộng, các tiểu khu dân cư, các trường tiểu học, trung học và cao đẳng ...

- *Công tác tuyên truyền giáo dục và đào tạo về tiết kiệm nước đô thị phong phú, đa dạng*

Thành phố Thượng Hải đã lợi dụng các cơ hội như “Ngày nước thế giới”, “Tuần lễ tuyên truyền sử dụng nước tiết kiệm toàn quốc”... để tích cực triển khai các hoạt động tuyên truyền theo chủ đề. Ngoài ra, việc lợi dụng truyền hình di động, màn hình Led quảng cáo trong toàn thành phố đã giúp Thượng Hải phát các quảng cáo công ích tuyên truyền về tiết kiệm nước; Lợi dụng mạng viễn thông để đẩy tin nhắn, lợi dụng

tài khoản công cộng WeChat để đẩy tin tức tiết kiệm nước mới nhất mọi lúc mọi nơi, từ đó nâng cao toàn diện sức ảnh hưởng và độ quan tâm chú ý đối với hoạt động tiết kiệm nước tại Thượng Hải. Ngoài ra, thành phố Thượng Hải còn tổ chức định kỳ các hoạt động đào tạo kiến thức về tiết kiệm nước.

3. Những thành quả tiết kiệm nước chủ đạo

Tính tới hiện tại, thành phố Thượng Hải tổng cộng đã xây dựng được 245 tiểu khu mẫu sử dụng nước tiết kiệm, 2813 tiểu khu tiết kiệm nước, 49 trường học (khu vực trường học) mẫu sử dụng nước tiết kiệm, 398 trường học tiết kiệm nước, 31 doanh nghiệp mẫu sử dụng nước tiết kiệm, 323 doanh nghiệp tiết kiệm nước, 8 đơn vị mẫu sử dụng nước tiết kiệm, 183 đơn vị tiết kiệm nước, 7 cơ quan mẫu sử dụng nước tiết kiệm, 382 cơ quan tiết kiệm nước, 1 khu nông nghiệp mẫu sử dụng nước tiết kiệm, 3 khu nông nghiệp tiết kiệm nước và 24 khu công nghiệp tiết kiệm nước. Ngoài ra, 3 khu vực cấp quốc gia, 6 khu vực cấp thành phố đã thực hiện xây dựng thí điểm hình mẫu xã hội tiết kiệm nước, hình thành nên cục diện mới trong xây dựng xã hội tiết kiệm nước tại thành phố Thượng Hải.

Trong giai đoạn “5 năm lần thứ 13”, thành phố Thượng Hải tổng cộng đã lắp đặt hơn 100 nghìn bộ thiết bị tiết kiệm nước, lượng nước tiết kiệm theo ngày là 3,5 nghìn m³, kiểm tra rò rỉ đường ống tại 811 vị trí, giảm thất thoát 89,9 nghìn m³ nước mỗi ngày, hoàn thành kiểm tra cân bằng nước tại 493 hộ, thực hiện khắc phục tại 1684 dự án, tổng cộng lượng nước tiết kiệm đã đạt 83,1 nghìn m³. Từ năm 2013, thành phố Thượng Hải đã khởi động công tác thí điểm thay đổi vòi nước cũ cho cư dân, tính đến năm 2019 đã thay đổi 160 nghìn bộ vòi nước cũ cho 86,648 nghìn hộ tại 7 khu vực dân cư.

Trong giai đoạn tới, thành phố Thượng Hải

sẽ căn cứ “Phương án hành động tiết kiệm nước quốc gia”, đồng thời bám sát 6 hành động trọng điểm là “đồng thời kiểm soát tổng lượng và cường độ”, “tăng hiệu quả tiết kiệm nước nông nghiệp”, “tiết kiệm nước giảm phát thải công nghiệp”, “giảm tổn thất khi tiết kiệm nước tại thành phố và thị trấn”, “khơi nguồn tiết kiệm nước tại các khu vực trọng điểm” và “dẫn đầu đổi mới khoa học kỹ thuật”, tích cực thực hiện chế độ quản lý tài nguyên nước nghiêm ngặt

nhất. Tới cuối giai đoạn “5 năm lần thứ 13”, thành phố Thượng Hải thực hiện mục tiêu giảm 23% lượng tiêu thụ nước trên 10 nghìn nhân dân tệ GDP và giảm 20% lượng tiêu thụ nước trên 10 nghìn NDT giá trị gia tăng công nghiệp so với năm 2015.

ND: Kim Nhật

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 10/2019

So sánh các mô hình xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn điển hình tại Trung Quốc

1. Các mô hình điển hình về xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn

1.1. Mô hình tại thành phố Kim Hoa, tỉnh Chiết Giang

Từ năm 2014 trở lại đây, thành phố Kim Hoa đã bắt đầu khám phá mô hình phân loại giảm lượng và tài nguyên hóa rác thải tại chỗ và đã thu được những lợi ích tốt đẹp về môi trường cũng như lợi ích về kinh tế, xã hội.

- Về lưu trình xử lý

Thành phố Kim Hoa đã tìm ra phương pháp phân loại rác thải “hai lần bốn phần” và phương thức vận chuyển “rác thải không rơi xuống đất”. Các hộ nông dân sẽ tiến hành phân loại rác thải theo tiêu chí “có thể phân hủy” và “không thể phân hủy”, sau đó tiếp tục tiến hành phân loại lần 2 với rác thải “không thể phân hủy” theo tiêu chuẩn “có thể bán” và “không thể bán. Sau khi tiến hành phân loại lần 1 xong, nhân viên vệ sinh môi trường của thôn sẽ tiến hành việc phân loại lần 2, rác thải có khả năng phân hủy sẽ được đưa vào phòng ủ phân hữu cơ bằng ánh nắng mặt trời, rác thải không có khả năng phân hủy sẽ được phân thành rác thải có thể bán và rác thải độc hại, rác thải có thể phân hủy sẽ được các công ty tái chế tài nguyên thu hồi, còn rác thải không phân hủy sẽ được vận

chuyển và được huyện (thành phố, khu vực) xử lý thống nhất.

- Về đảm bảo nguồn vốn

Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý rác thải nông thôn thành phố Kim Hoa chủ yếu do tài chính cấp huyện (khu vực) phụ trách, sử dụng hình thức thưởng tài chính để hỗ trợ từ 50 nghìn tới 150 nghìn NDT trong một lần đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý rác thải nông thôn tại các thôn hành chính, với các chi phí cơ sở đồng bộ khác như thùng đựng rác, xe chở rác... sẽ căn cứ tiêu chuẩn 20 - 60 NDT trên bình quân đầu người để hỗ trợ. Chi phí vận hành sẽ sử dụng để trả lương nhân viên vệ sinh, chi phí bảo trì thiết bị, chi phí này do tài chính cấp thành phố và cấp huyện (khu vực) đảm nhận theo tỷ lệ 1:1,5. Người dân nông thôn sẽ căn cứ tiêu chuẩn mỗi năm 10 - 30 NDT/người, các hộ kinh doanh 200 - 500 NDT/hộ để nộp phí quản lý rác thải. Ngoài ra, tranh thủ sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp cấp thôn, “quỹ chung tay xây dựng quê hương tươi đẹp” sẽ được thiết lập nhằm khích lệ người dân nông thôn triển khai các hoạt động phân loại và giảm lượng rác thải.

- Về biện pháp tổ chức và quản lý

Được sự coi trọng của lãnh đạo thành phố đối với công tác xử lý rác thải, các cấp chính

quyền thành phố Kim Hoa đã xây dựng chế độ phụ trách và cơ cấu phối hợp tương ứng. Các tiêu chuẩn quy phạm đã được đưa ra như “Quy phạm quản lý phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn”, “Sổ tay chỉ đạo phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn”..., chế độ đánh giá phân loại, giảm lượng rác thải và hệ thống quản lý mạng lưới hóa cũng đã được thiết lập.

Việc xử lý rác thải nông thôn tại thành phố Kim Hoa là một mô hình “Chính quyền chỉ đạo, người dân nông thôn tham gia”, nhấn mạnh phát huy vai trò phân loại, giảm lượng rác thải của người dân nông thôn, giúp rác thải có thể được tận dụng tuần hoàn tối đa, từ đó đạt được mục đích xử lý rác thải, bảo vệ môi trường.

1.2. Mô hình tại thành phố Xương Ấp, tỉnh Sơn Đông

Từ năm 2008, đối mặt với mô hình quản lý rác thải nông thôn “thôn tập kết, thị trấn vận chuyển, huyện xử lý” đã tồn tại nhiều nhược điểm, thành phố Xương Ấp đã dẫn đầu toàn Trung Quốc khi thực hiện mô hình nhất thể hóa vệ sinh môi trường đô thị và nông thôn kiểu mới, tức thông qua phương thức vận hành thị trường hóa, ủy thác cho các công ty vệ sinh môi trường chuyên nghiệp để tiến hành thu gom thống nhất, vận chuyển thống nhất, xử lý tập trung và tận dụng tài nguyên hóa đối với rác thải sinh hoạt nông thôn, hình thành nên mô hình riêng của Xương Ấp khi chính quyền mua dịch vụ xử lý rác thải. Do mô hình riêng này của thành phố Xương Ấp có thể sao chép, có thể mở rộng cho nên đã được Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc đặt làm ví dụ điển hình về mô hình xử lý rác thải. Hiện tại, mô hình xử lý rác thải nông thôn của Xương Ấp đã dẫn đầu thông qua thị trường hóa khi đã có mặt tại 23 tỉnh thành và khu tự trị trên toàn Trung Quốc.

- Về lưu trình xử lý

Chính quyền thành phố Xương Ấp đã đưa hệ thống quản lý rác thải đô thị tới các thị trấn và làng quê, các thị trấn và làng quê sẽ ủy thác cho các công ty vệ sinh môi trường chuyên

ngiệp thực hiện vận hành, cơ quan vệ sinh môi trường sẽ quản lý giám sát, các công ty chuyên ngành sẽ tiến hành thu gom thống nhất rồi vận chuyển và xử lý tập trung đối với rác thải nông thôn. Thêm vào đó, sự hợp tác giữa chính quyền và doanh nghiệp đã tạo động lực mạnh mẽ để xây dựng nên các cơ sở tài nguyên hóa rác thải, thông qua phương thức kinh doanh nhượng quyền để triển khai xây dựng và vận hành kinh doanh dự án tài nguyên hóa rác thải.

- Về việc đảm bảo nguồn vốn

Chi phí cho thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải do hai cấp tài chính thành phố và thị trấn đảm nhận khoảng 60%, phần còn lại do tập thể thôn chi kinh phí hoặc sử dụng phương thức gây quỹ riêng để giải quyết, hiện tại mỗi năm những người dân nông thôn thông thường nộp phí quản lý rác thải là 60 NDT/hộ. Chi phí dành cho các bãi rác và xây dựng các trạm trung chuyển do thị trấn (văn phòng khu phố) đảm nhận. Ngoài ra, cơ quan vệ sinh môi trường mỗi năm căn cứ tình hình quỹ tài chính để tiến hành bảo trì và cải tạo đối với cơ sở hạ tầng.

- Về tổ chức và quản lý

Thành phố Xương Ấp đã đưa ra các tiêu chuẩn quy phạm như “Quy hoạch công tác nhất thể hóa vệ sinh môi trường đô thị và nông thôn”, “Quy phạm dịch vụ nhất thể hóa vệ sinh môi trường đô thị và nông thôn”, “Tiêu chuẩn vệ sinh thị trấn và nông thôn”... Chính quyền thành phố cũng đã thực hành các cơ chế kiểm tra giám sát và kích lệ, tiến hành giám sát và đánh giá đối với chất lượng công tác và trình độ dịch vụ của nhân viên, đối với các thị trấn và văn phòng khu phố có biểu hiện nổi bật, tài chính thành phố sẽ sử dụng hình thức khen thưởng để hỗ trợ. Về bản chất, mô hình của thành phố Xương Ấp là mô hình dịch vụ công cộng do chính quyền mua, thông qua việc vận hành thị trường hóa để thực hành phân tách quản lý, từ đó giúp chính quyền thay đổi chức năng, nâng cao hiệu suất quản lý và chất lượng dịch vụ đối với rác thải.

1.3. Mô hình tại thôn Long Cốc, huyện Đan Lăng, tỉnh Tứ Xuyên

Thôn Long Cốc là một thôn có nền kinh tế kém phát triển của huyện Đan Lăng. Kể từ năm 2011, thôn này đã tìm ra mô hình xử lý rác thải “Dân làng tự xử lý”. Ủy ban thôn Long Cốc đã thông qua tổ chức đại hội đại biểu dân làng, tiến hành mở thầu công khai trong thôn để lựa chọn người nhận thầu làm sạch rác thải. Người nhận thầu này sẽ ký thỏa thuận với Ủy ban thôn và đảm nhận các công việc như vận chuyển, làm sạch... đối với rác thải. Mô hình này đã làm thay đổi cục diện quản lý tại địa phương, tìm ra một con đường xử lý rác thải nông thôn tại khu vực có nền kinh tế kém phát triển như Long Cốc.

- Về lưu trình xử lý

Thôn Long Cốc đã sử dụng lưu trình xử lý “Hộ dân nông thôn phân loại ban đầu và quy định điểm tập kết, người nhận thầu vệ sinh sẽ phân loại và thu gom lần hai, cơ quan vệ sinh môi trường sẽ vận chuyển và xử lý”. Các hộ dân nông thôn được yêu cầu phân rác thải thành 4 loại, rác thải có thể bán thì tự tiêu thụ, rác thải hữu cơ đưa vào bể khí sinh học, rác thải xây dựng thì xử lý tại chỗ, rác thải không thể tái chế thì được đổ tại bể chứa rác liên hộ để tiến hành phân loại lần 2, đồng thời rác thải không thể tái chế sẽ được vận chuyển tới điểm thu gom của thôn, sau đó cơ quan vệ sinh môi trường huyện sẽ vận chuyển chúng tới bãi chôn lấp để xử lý. Căn cứ nguyên tắc bố cục khoa học, cứ 3 - 15 hộ lân cận trong thôn Long Cốc sẽ được xây một bể chứa rác liên hộ, toàn thôn xây dựng 1 trạm thu gom rác thải.

- Về việc đảm bảo nguồn vốn

Nguồn vốn để xây dựng và bảo trì cơ sở hạ tầng xử lý rác thải của thôn Long Cốc chủ yếu đến từ sự hỗ trợ từ tài chính của tỉnh và các địa phương, chi phí nhận thầu được tập trung theo phương thức gây quỹ từ dân làng, hiện tại, mỗi người dân nông thôn sẽ nộp 1NDT/ tháng cho phí quản lý rác thải, phần còn lại sẽ do tập thể thôn giải quyết.

- Về biện pháp tổ chức và quản lý

Thông qua thỏa thuận để xác lập chức trách công tác, chi phí nhận thầu, đảm bảo an toàn, biện pháp đánh giá và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng..., đề ra quy định của làng, đổi mới cơ chế giám sát, hình thành cơ cấu giám sát 3 bên tương hỗ là dân làng, cán bộ thôn và người nhận thầu, từ đó phát huy tính tích cực trong phân loại rác thải và bảo vệ môi trường của người dân trong thôn.

Nói một cách đơn giản, trên cơ sở “dân làng tự trị”, thôn Long Cốc đã đưa vào cơ chế cạnh tranh, tập thể thôn công khai đấu thầu, đưa việc phân loại rác thải lần 2, thu gom và nhận thầu vận chuyển cho bên nhận thầu vệ sinh môi trường, từ đó làm giảm đáng kể chi phí xử lý rác thải.

2. So sánh 3 mô hình xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn

Những kinh nghiệm nêu trên cho thấy việc xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn tại Trung Quốc đã dần dần chuyển đổi từ mô hình quản lý đơn trung tâm từ chính quyền sang mô hình xử lý hợp tác đa dạng, điều này không những đảm bảo tính công cộng của những công việc chung mà còn phát huy được hiệu quả cũng như tính phản hồi của thị trường và các tổ chức xã hội. Nói một cách tổng thể, trong các phương diện như mục đích xử lý, lưu trình xử lý, gây quỹ xử lý... đều có tính tương tự và tính khác biệt. Về mục đích xử lý, mô hình của Kim Hoa và Long Cốc hiện tại đã được đẩy mạnh mở rộng tại các nơi như Chiết Giang, Tứ Xuyên..., chính phủ Trung Quốc cũng hết sức coi trọng tính đổi mới trong xử lý rác thải, mục đích xử lý rác thải dần dần chuyển sang giảm lượng rác thải và tận dụng tuần hoàn. Về bản chất, mô hình của Xương Ấp là mô hình chính quyền mua dịch vụ công cộng, mục đích xử lý rác thải chủ yếu là để duy trì môi trường nông thôn sạch đẹp. Về lưu trình xử lý, mô hình của Kim Hoa và Long Cốc đều nhấn mạnh phân loại giảm lượng rác thải, giảm thiểu và tránh vận chuyển rác ra bên ngoài gây ảnh hưởng tới

chi phí vận chuyển và môi trường, trong khi đó mô hình của Xương Ấp lại nhấn mạnh sự hoạt động thông qua sự chuyên nghiệp hóa của thị trường, sự quy hoạch và quản lý thống nhất của doanh nghiệp nhằm giảm thiểu chi phí quản lý rác thải. Về đảm bảo nguồn vốn, chi phí xây dựng cơ sở vật chất của các địa phương đa số đều do tái chính chính quyền đầu tư, chi phí vận hành kinh doanh chủ yếu thông qua sự hỗ trợ

của tài chính chính quyền, đồng thời có sự gánh vác chung trong việc nộp phí từ người dân nông thôn. Ngoài ra, trong các phương diện khác như giám sát, cơ chế đánh giá, cơ chế khích lệ, xây dựng cơ chế, các địa phương đã sáng tạo ra rất nhiều biện pháp hiệu quả.

Có thể tổng hợp những ưu điểm và khuyết điểm từ ba mô hình xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn như sau:

Tên	Ưu điểm	Khuyết điểm
Mô hình Kim Hoa	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả phân loại giảm lượng rác thải rõ rệt, có lợi cho việc giảm chi phí quản lý rác thải, nâng cao hiệu quả tận dụng tuần hoàn rác thải. - Tính tích cực khi tham gia của người dân cao, nâng cao ý thức và trình độ văn minh của người dân, cải thiện mối quan hệ trong lớp cán bộ nông thôn, thúc đẩy sự ổn định hài hòa trong xã hội nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuỗi quản lý dài, nhiều chủ thể, độ khó lớn - Trách nhiệm và nhiệm vụ của chính quyền lớn, mục tiêu giữa các cơ quan dễ bị không nhất quán, xuất hiện các vấn đề như kết nối kém, hiệu quả thấp ...
Mô hình Xương Ấp	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền mua dịch vụ công cộng, giải quyết các vấn đề như chủ thể quản lý rác thải nhiều ..., hợp lý hóa thẩm quyền và trách nhiệm của chính phủ và các công ty ươm thác. - Quy hoạch thống nhất đối với rác thải khu vực và sự quản lý tập trung có lợi cho việc tiết kiệm chi phí. - Quản lý và dịch vụ được chuyên nghiệp hóa, tiêu chuẩn hóa giúp ích cho việc nâng cao hiệu suất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty chuyên ngành thiếu động lực đối với việc phân loại giảm lượng rác thải gây bất lợi cho việc xử lý tài nguyên hóa rác thải về sau. - Gánh nặng tài chính của chính quyền lớn. - Tính tích cực khi tham gia phân loại giảm lượng rác thải của người dân nông thôn thấp.
Mô hình Long Cốc	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác đơn giản, giảm đáng kể chi phí quản lý rác thải, có lợi cho việc nâng cao tính tích cực của người dân nông thôn khi phân loại giảm lượng rác thải, giải quyết vấn đề khó trong giám sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự chuyển biến trong hành vi của người dân nông thôn cần có sự thúc đẩy liên tục của chính quyền, đây là một quá trình tương đối dài.

Từ Lập Xương

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 13/2019

ND: Kim Nhạn

Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị hoàn thành vượt mức kế hoạch công tác năm 2019

Ngày 07/01/2020, tại Hà Nội, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Học viện AMC) tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2020. Ông Bùi Phạm Khánh - Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng đã tới dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Theo báo cáo của Học viện AMC, công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Học viện. So với năm 2018, cũng như kế hoạch đề ra cho năm 2019, Học viện đã hoàn thành vượt mức cả về số lớp và số lượng học viên: tổng số lớp đào tạo, bồi dưỡng là 319 lớp với 19.15 học viên, vượt 19,9% (319/266 lớp (cả năm)) về số lớp và vượt 20,6% (19.157/15.880 hv) về số học viên so với năm 2018; So với kế hoạch đăng ký với Bộ năm 2019 vượt 52% (319/210 lớp) về số lớp và vượt 99,5% (19.157/9.600 hv) về số học viên.

Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống:

Là nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên của Học viện cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Xây dựng. Trong năm 2019 Học viện bám sát kế hoạch của Bộ giao để triển khai các lớp một cách đồng đều, phân bổ thời gian hợp lý đã thực hiện được 15 lớp, với số lượng 1.153 học viên.

Trong đó, các lớp thuộc ngân sách Bộ giao triển khai 12 lớp đạt 100% kế hoạch năm và đạt 100% so với kết quả cùng kỳ năm 2018. Thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng bằng nguồn ngân sách của Bộ giao và các lớp theo truyền thống. Học viện tích cực tìm kiếm đối tác và đã triển khai thêm được 03 lớp đào tạo, bồi



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại Hội nghị

dưỡng (02 Lớp Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập với 91 học viên và 01 lớp bồi dưỡng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin với 62 học viên) bằng nguồn kinh phí tự đóng góp của các đơn vị. Ngoài ra Học viện vẫn tiếp tục phối hợp với Trường Cán bộ quản lý văn hóa thể thao và du lịch để tổ chức lớp Bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 với 74 học viên.

Đào tạo, bồi dưỡng Quản lý nhà nước về xây dựng cho địa phương

Đề án 1961: Học viện luôn xác định nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng chương trình Đề án 1961 là nhiệm vụ trọng tâm, được tổ chức triển khai ngay từ đầu năm, nhằm đẩy nhanh công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ xây dựng và phát triển đô thị các cấp, kết quả đạt được là: Thông qua điều tra, khảo sát đã hoàn thiện việc rà soát đối tượng của Đề án tại các địa phương, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn để triển khai lớp; Hoàn thiện việc bổ sung sửa đổi chương trình, tài liệu (Hoàn chỉnh 08 bộ đề cương chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng giữ nguyên 08 chương trình đào tạo cho 08 đối tượng của Đề án, 03 bộ tài liệu đào

tạo, bồi dưỡng dành cho cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thay thế cho 08 bộ tài liệu cũ, 06 bộ tài liệu chuyên đề chuyên sâu)

Tổ chức thành công Hội nghị đánh giá đề án năm 2019 và xây dựng kế hoạch triển khai đề án năm 2020. Tổ chức tổng số 106 lớp với số lượng 5.514 học viên (Chương trình 2, 3, 6, 7, giảng viên nguồn và đặc biệt là tập trung chủ yếu các lớp bồi dưỡng chuyên sâu), được triển khai khắp 63 tỉnh thành phố, quận huyện trên phạm vi cả nước. So với kế hoạch năm vượt 65,6% (106/64 lớp) về số lớp. So với kết quả cùng kỳ năm 2018 vượt 103,8% (106/52lớp), số học viên về tham dự năm 2019 tăng hơn so với số học viên của năm 2018 (5.514/1.598HV).

Ngoài ra Học viện thực hiện các lớp theo nguồn ngân sách của địa phương (Chương trình 4, 8) đã triển khai được 15 lớp, với số lượng học viên 951 học viên. So với kết quả năm 2018 vượt 6 lớp (15/9 lớp).

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực xử lý vi phạm trật tự xây dựng và nâng cao năng lực quản lý quy hoạch kiến trúc:

Đây là chương trình đào tạo, bồi dưỡng được nhiều địa phương quan tâm về vấn đề xử lý vi phạm trật tự xây dựng tại địa phương. Năm bắt được tình hình đó, Học viện đã phối hợp tích cực với Sở Nội vụ Hà Nội, tỉnh Kiên Giang, thành phố Hạ Long triển khai được 15 lớp với số lượng 1.359 học viên. So với kết quả năm 2018 vượt 07 lớp(15/8 Lớp).

Trong đó riêng Sở Nội vụ Hà Nội tổ chức (12/15 lớp) về lĩnh vực xử lý vi phạm trật tự xây dựng và triển khai 15 lớp bồi dưỡng về nâng cao năng lực quản lý quy hoạch kiến trúc dành cho Chủ tịch, Phó chủ tịch, Trưởng, Phó phòng và tương đương của thành phố Hà Nội với 1.320 học viên tham gia

Đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu theo Quyết định 1600/QĐ-TTg:

Đây là chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, trong đó đào tạo, bồi dưỡng kiến thức năng lực



Toàn cảnh Hội nghị

về quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã theo quy định của Bộ Nội vụ. Năm bắt được mục tiêu đó: Học viện phối hợp với Vụ Đào tạo - Bộ Nội vụ biên soạn các chương trình, tài liệu theo mục tiêu của đề án; Phối hợp tích cực với các địa phương triển khai các lớp chuyên sâu về: Trật tự xây dựng; Quản lý dự án; Hạ tầng kỹ thuật dành và các lớp chuyên sâu dành cho đối tượng là công chức địa chính, môi trường và xây dựng cấp xã. Đạt kết quả 17 lớp với 1.053 học viên. Thông qua kết quả đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ công chức cấp xã về kiến thức chuyên môn phần nào cũng đáp ứng được yêu cầu xây dựng của nông thôn mới đối với các địa phương hiện nay.

Đào tạo bồi dưỡng đáp ứng năng lực hoạt động xây dựng và chuyên môn nghiệp vụ cho khối doanh nghiệp:

Các lớp về đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng năng lực hoạt động xây dựng luôn được bám sát và tiếp cận. Trong năm 2019 trước những khó khăn trong việc mở lớp, Học viện đã có nhiều giải pháp để khuyến khích, chủ động tiếp cận nắm bắt nhu cầu thực tế đang cần của từng doanh nghiệp, từng địa phương và với sự nỗ lực của cá nhân, đơn vị trong công tác chiêu sinh, Học viện đã mở được 42 lớp với 1.412 học viên.

Chương trình tập huấn

Trong năm ngành Xây dựng có những văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành và triển khai thực hiện, do vậy Học viện đã chủ

động phối hợp với các Cục, Vụ, chức năng của Bộ Xây dựng để biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn các lớp trong phạm vi cả nước, kịp thời phổ biến các Văn bản quy phạm pháp luật mới tới các đơn vị của ngành. Kết quả tổ chức được 70 lớp với 5.139 học viên.

Chương trình ngoại ngữ:

Nhằm bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ tiếng Anh, Học viện triển khai được 07 lớp với số lượng 118 học viên, trong đó 02 lớp tiếng Anh trình độ B1, B2 cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Xây dựng theo chương trình của 7 tỉnh miền núi phía Bắc; 03 lớp tiếng Anh chuyên ngành Du lịch (Phối hợp với Trường Đại học KHXXH&NV); 01 lớp tiếng Anh chuyên ngành Logistic. So với kết quả cùng kỳ năm 2018 vượt 2 lớp 40%(7/5lớp).

Đào tạo và Hợp tác quốc tế:

Trong năm Học viện tiếp tục củng cố và mở rộng đối tác trong hoạt động hợp tác quốc tế. Triển khai thành công 03 khóa đào tạo, bồi dưỡng phối hợp với thành phố Hà Nội về “Sáng kiến đô thị thông minh” tại Nhật Bản với số lượng 60 học viên; 01 khóa Hội thảo đào tạo kinh nghiệm cho cán bộ, công chức, viên chức của Học viện chính trị quốc gia HCM, thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Dương tại Hàn Quốc. Như vậy cho thấy số lớp mở về lĩnh vực hợp tác quốc tế còn hạn chế, chủ yếu là các lớp của Thành phố Hà Nội có ngân sách dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài. Đối với các địa phương khác, ngân sách dành cho việc đào tạo tại nước ngoài là rất hạn chế và hầu như là không có. Việc giới thiệu tới các địa phương các chương trình hợp tác quốc tế của Học viện chưa được tích cực.

Các lớp thuộc chương trình 7 tỉnh miền núi phía Bắc phối hợp thực hiện dự án WB đã thực hiện được 07 lớp với 200 học viên.

Ngoài việc triển khai các lớp về Hợp tác quốc tế. Học viện luôn duy trì củng cố, chủ động và phát triển quan hệ với các đối tác các đối tác truyền thống như: UN-Habitat; Viện Đào tạo đất

đai, hạ tầng và giao thông Hàn Quốc (TILIT); Cơ quan phát triển Pháp (AFD); Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI); Trường Đại học Portland State tại Hoa Kỳ; Văn phòng City Net tại Nhật Bản; Liên minh các đô thị và chính quyền địa phương châu Á Thái Bình Dương (UCLG ASPAC); Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ),... tổ chức Hội thảo phát triển nhà ở xã hội với Đại sứ quán Úc, UN-Habitat, TPT.

Hiện nay, Học viện đang phối hợp với các tổ chức quốc tế xây dựng 02 đề xuất dự án triển khai trong giai đoạn 2020 - 2023.

Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác:

Nhằm bồi dưỡng chuyên môn, chuyên sâu về các lĩnh vực Quản lý nhà nước về xây dựng cho các địa phương, đơn vị và các doanh nghiệp. Ngoài những chương trình truyền thống của Học viện đã triển khai. Học viện thường xuyên mở rộng thị trường đào tạo, bồi dưỡng và nắm bắt nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các địa phương và các doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với từng địa phương và doanh nghiệp yêu cầu. Trong năm 2019 triển khai được 40 lớp, với 2.644 học viên về các lĩnh vực như: Thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư; Kiểm toán dự án đầu tư xây dựng; Quy hoạch đô thị nông thôn; Hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức xã; Quản lý nhà nước về xây dựng; Thanh tra xây dựng; Đánh giá dự án đầu tư; Ôn thi cấp chứng chỉ QLDA; Đào tạo BIM chuyên sâu cho chủ đầu tư, tư vấn thiết kế,...

Các chương trình Hội thảo:

Song song với công tác đào tạo và tập huấn theo chức năng nhiệm vụ được giao, Học viện đã chủ trì phối hợp với các bên liên quan triển khai một số chương trình hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi, tăng cường kết nối các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp và đơn vị quản lý Nhà nước nhằm kiến nghị điều chỉnh định hướng và hoàn thiện khung pháp lý ngành xây dựng như: Hội thảo về đánh giá công tác triển khai đề án 1961 năm 2019; Hội thảo về Nhà ở xã hội

(tháng 01/2019); Hội thảo về nâng cao chất lượng tạp chí trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 (tháng 11/2019); Tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế. Đặc biệt tham gia Hội nghị “Xây dựng Châu Á lần thứ 24” tại Ấn Độ và đề xuất đăng cai hội nghị “Xây dựng Châu Á lần thứ 25” tại Việt Nam do Bộ Xây dựng giao Học viện chủ trì triển khai.

Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và giảng dạy:

Đội ngũ giảng viên bao gồm: Giảng viên cơ hữu, giảng viên kiêm nhiệm và giảng viên thỉnh giảng luôn được Đảng ủy, Ban giám đốc Học viện quan tâm vì đây là lực lượng chủ chốt quyết định đến chất lượng và uy tín của Học viện. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại Học viện gồm 21 đồng chí (trong đó 01 tiến sỹ, 19 Thạc sỹ, 01 Đại học). Trong năm qua Học viện đã khuyến khích, động viên đội ngũ giảng viên tích cực tham gia công tác giảng dạy. Đặc biệt thường xuyên mời các giảng viên thỉnh giảng, kiêm nhiệm có trình độ, có kinh nghiệm tại các cơ quan quản lý Nhà nước các Viện, Trường, Hội nghề nghiệp tham gia giảng dạy góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của Học viện;

Công tác nghiên cứu khoa học thường xuyên tổ chức trao đổi về chuyên môn và phương pháp giảng dạy cũng như kinh nghiệm trong thực tế; Tích cực đăng ký giảng dạy các chuyên đề mới và tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn ở trong nước và nước ngoài; Nâng cao trình độ chuyên môn hiện nay có 08 đồng chí giảng viên đang tham gia nghiên cứu sinh.

Đến nay, lực lượng giảng viên tại Học viện đã trực tiếp tham gia giảng dạy được nhiều chương trình như: Quản lý xây dựng và phát triển đô thị; Quản lý đô thị cho cán bộ xã phường; Quản lý dự án và nghiệp vụ đấu thầu; Nghiệp vụ định giá; Chương trình tập huấn các Nghị định; Văn bản quy phạm pháp luật mới và một số chương trình khác. Được thể hiện qua số giờ giảng dạy: Tổng số giờ giảng dạy của khối giảng viên cơ hữu là 5.715,4 giờ chiếm khoảng

75% tổng số giờ giảng của toàn Học viện và giờ nghiên cứu khoa học là 3.392 giờ.

Tuy nhiên với tình hình như hiện nay, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện vẫn còn mỏng về số lượng và chất lượng. Trong thời gian tới, Học viện tiếp tục kiện toàn, bổ sung đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng và chuyên gia. Có hình thức hợp đồng phù hợp để thu hút đội ngũ cán bộ chuyên môn giỏi của Bộ và các đơn vị tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu và sinh hoạt chuyên môn tại các Khoa, Viện.

Bên cạnh đó, Học viện luôn chú trọng hợp tác và mời giảng viên kiêm chức có uy tín, có học hàm, học vị cao, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong công tác tổ chức quản lý, trong chuyên môn nghiệp vụ tham gia giảng dạy các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn của Học viện. Tính đến nay đội ngũ giảng viên kiêm chức và chuyên gia gồm 55 người, trong đó GS, PGS: 10, TS: 25, CVCC: 10, GVCC: 10.

Công tác quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ:

Song song với công tác đào tạo, bồi dưỡng, việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ của Học viện phần lớn được triển khai đều đảm bảo về mặt chất lượng. Nhiều đề tài/ dự án được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao, thực sự có những đóng góp mới về mặt khoa học. Các nhiệm vụ đăng ký mới đã có sự chất lọc, đúng chức năng, nhiệm vụ của Học viện và phù hợp với nhu cầu thực tế. Kết quả nghiên cứu khoa học của Học viện là nền tảng vững chắc, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ viên chức của Học viện. Kết quả đã quản lý và tham gia thực hiện tổng số 25 nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ và 04 đề tài cấp cơ sở.

Với truyền thống đoàn kết, ý thức trách nhiệm của tập thể, ngay từ đầu năm 2019 Học viện đã đưa ra các giải pháp thiết thực, phù hợp với từng thời gian, từng chương trình, đối tượng và địa bàn tổ chức. Bên cạnh đó, Học viện luôn

nhận được sự quan tâm toàn diện và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ Xây dựng; Sự ủng hộ và hợp tác nhiệt tình có hiệu quả của các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp,... do đó Học viện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị đề ra.

Tham luận tại Hội nghị, đại diện các đơn vị trong và ngoài Học viện đều nhất trí với Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của Học viện, đồng thời kiến nghị các giải pháp trong công tác đào tạo mở lớp; nâng cao chất lượng đào tạo; bổ sung, rà soát và hoàn thiện hệ thống chương trình - tài liệu; Tăng cường công tác quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ và môi trường, đi sâu vào các Đề tài khoa học có tính ứng dụng cao; nâng cao chất lượng; đảm bảo tiến độ và hiệu quả các đề tài khoa học, dự án cấp Bộ và cấp Cơ sở; nâng cao uy tín và quảng bá thương hiệu của Học viện nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch công tác năm 2020.

Phát biểu tại Hội nghị, sau khi ghi nhận và biểu dương những kết quả đã đạt được năm 2019 của Học viện, ông Bùi Phạm Khánh - Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng đánh giá cao những thành tích mà Học viện đạt được trong năm 2019 vừa qua. Đó chính là những kết quả rất đáng ghi nhận góp phần phát triển nguồn nhân lực của Ngành. Nhiệm vụ trọng tâm nhất của Học viện là đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, đội ngũ giảng viên của Học viện cần tiếp tục nâng cao

kiến thức, kỹ năng, qua đó giúp cho việc nâng cao năng lực nguồn nhân lực ngành Xây dựng đạt hiệu quả cao. Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng, Học viện có thể đề xuất với Bộ cử đội ngũ cán bộ lãnh đạo đương chức xuống cùng thảo luận, trao đổi với học viên. Thời gian tới, Học viện cần tích cực xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn và những đòi hỏi của xã hội trong thời kỳ hội nhập. Đối với Đề án 1961 cần chuẩn bị báo cáo đánh giá 10 năm thực hiện cũng như các đề xuất mới để Bộ Xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ; Song song với đó, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong liên kết đào tạo và các dự án nâng cao năng lực, tăng cường trang thiết bị, chia sẻ kinh nghiệm và đổi mới chương trình đào tạo bồi dưỡng theo xu hướng quốc tế; tập trung triển khai đề xuất dự án “Trung tâm đào tạo Việt-Hàn về đô thị thông minh”...

Cũng tại Hội nghị này, Học viện đã Công bố các quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho 01 tập thể và 04 cá nhân; Công bố Quyết định của Giám đốc Học viện về việc tặng thưởng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến cho 11 đơn vị, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở cho 19 cá nhân...

Học viện AMC

Viện Khoa học Công nghệ xây dựng phát triển ổn định trong cơ chế tự chủ

Ngày 10/01/2020, tại Hà Nội, Viện Khoa học công nghệ xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2020. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tại Hội nghị, thay mặt Lãnh đạo Viện, Phó

Viện trưởng Nguyễn Hồng Hải đã trình bày Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động năm 2019 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2020. Theo đó, năm 2019, trong bối cảnh nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định, cùng với việc hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Tổ chức Khoa học và công nghệ công



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị

lập theo Quyết định số 98/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 25/01/2018, Viện Khoa học công nghệ xây dựng (KHCN XD) đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả quan trọng:

Về công tác nghiên cứu khoa học, Viện thực hiện tổng số 103 nhiệm vụ KHCN (trong đó: 30 đề tài, 73 tiêu chuẩn, quy chuẩn) với tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp (theo Hợp đồng khoa học) cho năm 2019 là 12,5 tỷ đồng;

Trong năm 2019, Viện đã hoàn thành các Quy chuẩn, báo cáo Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ ban hành 02 Quy chuẩn: QCVN 04:2019/BXD về Nhà chung cư; QCVN 06:2019/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình xây dựng. Đây là các Quy chuẩn quan trọng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu xã hội cấp thiết, đã được Bộ Xây dựng đăng ký ban hành trong năm 2019.

Ngoài ra, Viện đang biên soạn các Quy chuẩn: QCVN 02 về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng: Đã hoàn thành các số liệu gió, động đất, các số liệu điều kiện tự nhiên khác (mưa, lũ lụt, nhiệt độ, ánh sáng, bức xạ, khí hậu ...). Đã tổ chức các Hội thảo lấy ý kiến về các số liệu điều kiện tự nhiên trên. QCVN 12 về Hệ thống điện trong nhà ở và công trình công cộng: Đã hoàn thiện dự thảo Quy chuẩn, bảo vệ Hội đồng khoa học cấp cơ sở, trình Bộ



Thứ trưởng Lê Quang Hùng đã trao bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các cá nhân có thành tích tốt trong công tác

Xây dựng thẩm định, ban hành theo quy định.

Về tiêu chuẩn: Hiện nay Viện đang biên soạn các tiêu chuẩn quan trọng của ngành xây dựng như TCVN 2737 Tải trọng và tác động, TCVN 9386 Thiết kế công trình chịu động đất, TCVN 5573 Thiết kế kết cấu gạch đá, TCVN 5575 Thiết kế kết cấu thép, TCVN 10304 Tiêu chuẩn thiết kế móng cọc,... Dự kiến trong nửa đầu 2020 Viện sẽ hoàn thành và trình Bộ các dự thảo tiêu chuẩn này

Về đề án 198 "Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng", Viện KHCN XD đã thực hiện xong hai nhiệm vụ Bộ giao là Lập danh mục Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành Xây dựng tới năm 2030 và Lập quy hoạch hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ngành Xây dựng tới năm 2030.

Các đề tài thuộc các chương trình trọng điểm khác của Bộ Xây dựng như Chương trình biển đảo, chương trình tro xỉ,... được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng đề tài.

Cũng trong 2019, Viện đã được Bộ Xây dựng giao những nhiệm vụ KHCN trọng điểm của Ngành Xây dựng như: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển KHCN ngành xây dựng đến năm 2020 tầm nhìn 2030; Tập huấn phổ biến và hướng dẫn phòng chống thiên tai, lụt bão

Về phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ, Viện đã thực hiện trên 130 nhiệm vụ với các nội dung như giải quyết các vấn đề kỹ thuật các công trình có ý nghĩa chính trị quan trọng, trung cầu giám định chất lượng công trình xây dựng. Công tác phục vụ QLNN và hỗ trợ kỹ thuật trên các công trình trọng điểm luôn được Viện ưu tiên và coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu theo chức năng nhiệm vụ Bộ giao, đảm bảo chất lượng và tiến độ đáp ứng yêu cầu của các Bộ, Ngành và Cơ quan hữu quan trên phạm vi toàn quốc. Các đơn vị có nhiều đóng góp trong hoạt động QLNN và trên các công trình trọng điểm là: Viện Chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành Địa kỹ thuật, Viện Chuyên ngành Bê tông, Trung tâm Kết cấu thép và xây dựng; Trung tâm Tư vấn xây dựng công nghiệp và hạ tầng; Trung tâm tư vấn thiết kế và xây dựng, Trung tâm công nghệ xây dựng, TT phát triển công nghệ và vật liệu xây dựng; Trong đó nổi bật là các công tác thẩm tra, tư vấn giám sát, quan trắc lún, biến dạng công trình Nhà Quốc hội Lào đã được CNVCLĐ của Viện (ĐV thực hiện TTTVXDCN-HT, TTCN, TTTVTK&XD, TTTĐja) đã thực hiện tốt, rất có trách nhiệm, đảm bảo chất lượng, an toàn và bảo mật.

Về hoạt động triển khai tiến bộ kỹ thuật vượt mức kế hoạch đề ra năm 2019 là 500 tỷ đồng,... Phát huy thành tựu đã đạt được năm 2019, Viện đề ra kế hoạch nhiệm vụ năm 2020 là: Đổi mới, nâng cao sức mạnh công tác chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của Viện, phục vụ kịp thời yêu cầu QLNN của Ngành; Từng đơn vị phát huy thế mạnh xây dựng mũi nhọn tạo uy tín và thương hiệu trên thị trường; Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý các mặt hoạt động của Viện theo hướng hạch toán đầy đủ, phân cấp trách nhiệm;...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng biểu dương những nỗ lực và kết quả đạt được của Viện KHCNXD năm 2019. Theo Thứ trưởng, năm 2020 tình hình kinh tế còn khó khăn do đó Viện cần phải có kế hoạch phát triển cụ thể để đạt được mục tiêu đề ra. Về nhiệm vụ năm 2020, Thứ trưởng cho rằng Viện cần tập trung vào một số nhiệm vụ sau: Về khoa học công nghệ, Viện là đầu mối then chốt thực hiện dự án Quy chuẩn, tiêu chuẩn trong đó có tiêu chuẩn cốt lõi, đây là nhiệm vụ rất quan trọng và phải tập trung hoàn thành trong năm 2020 - 2021; Lập chiến lược quy hoạch phát triển Viện nhằm tận dụng cơ hội phát triển, tranh thủ nguồn vốn; Đối với dự án Nhà Quốc hội Lào về đường lối thực hiện cần chú trọng đến một số việc như: chỉ dẫn kỹ thuật đầu vào cần trao đổi nhiều hơn, chi tiết hơn với bên tư vấn; Tư vấn giám sát phải cập nhật thường xuyên có báo cáo, trao đổi;...

Thay mặt cho toàn thể CNVCLĐ Viện, Viện trưởng Nguyễn Đại Minh cảm ơn Thứ trưởng Lê Quang Hùng và đại diện các Cục, Vụ trực thuộc Bộ đã đến dự và cho ý kiến chỉ đạo. Viện trưởng Nguyễn Đại Minh hứa sẽ nghiêm túc tiếp thu những ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng và triển khai ngay trong phương hướng hoạt động năm 2020, trong đó đặc biệt dự án Nhà Quốc hội Lào.

Tại Hội nghị, theo Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 12/6/2019 về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đã trao bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và tặng hoa chúc mừng cho 04 cán bộ của Viện đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Minh Tuấn

Trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho ông NOH TAE KEUK, chuyên gia Hàn Quốc làm việc tại Bộ Xây dựng

Ngày 13/1/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức buổi Lễ Trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho ông NOH TAE KEUK, chuyên gia Tổng công ty Đất đai và Nhà ở Hàn Quốc (LH) đang làm việc tại Bộ Xây dựng.

Dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, lãnh đạo Vụ Hợp tác quốc tế, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng), đại diện Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, trong những năm qua, ông NOH TAE KEUK đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng và tăng cường hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc (MOLIT), Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam. Đặc biệt, ông NOH TAE KEUK đã tham gia nhiều sự kiện, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc xây dựng cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực nhà ở tại Việt Nam.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh ghi nhận và đánh giá cao hiệu quả hợp tác giữa Tổng Công ty LH với các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, đồng thời tin tưởng quan hệ hợp tác giữa hai bên sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

Bày tỏ sự vui mừng khi được Bộ Xây dựng trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng - Phần thưởng cao quý nhất của ngành Xây dựng Việt Nam, ông NOH TAE KEUK cảm ơn lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh, lãnh đạo Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản đã quan tâm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để ông hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho ông NOH TAE KEUK



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại buổi Lễ

Ông NOH TAE KEUK chia sẻ những kỷ niệm gắn bó với Bộ Xây dựng và cho biết, sau khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam và trở về Hàn Quốc, dù ở bất kỳ vị trí nào, ông cũng luôn cố gắng thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Tổng công ty LH, Bộ MOLIT với Bộ Xây dựng và luôn sẵn sàng chào đón những người bạn ở Bộ Xây dựng đến thăm, làm việc tại Hàn Quốc.

Trần Đình Hà

Viện Vật liệu Xây dựng tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức và tổng kết công tác năm 2019

Ngày 16/1/2019, tại Hà Nội, Viện Vật liệu Xây dựng đã tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức tổng kết công tác năm 2019. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Báo cáo Hội nghị, TS. Lê Trung Thành, Viện trưởng Viện VLXD cho biết, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ Xây dựng, sự phối hợp, giúp đỡ hiệu quả của các Cục, Vụ thuộc BXD và sự đoàn kết, nỗ lực của toàn thể CBVC Viện, năm 2019 Viện VLXD đã hoàn thành vượt mức kế hoạch thực hiện các công việc đã đề ra.

Công tác phục vụ quản lý Nhà nước được đẩy mạnh, ngày càng đa dạng và đáp ứng yêu cầu của BXD. Năm 2019, Viện triển khai thực hiện 59 nhiệm vụ KHCN vốn Ngân sách Nhà nước, 7 nhiệm vụ nguồn vốn Doanh nghiệp. Nhìn chung các nhiệm vụ KHCN đều có mục tiêu nghiên cứu bám sát nhu cầu thực tế, kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và phục vụ đắc lực công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực VLXD.

Hoạt động dịch vụ KHCN (công tác phân tích kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng VLXD; công tác tư vấn dịch vụ kỹ thuật; cung ứng sản phẩm từ kết quả nghiên cứu vào sản xuất,..) có doanh thu tăng trưởng vượt bậc, đạt 135% so với năm 2018, góp phần quan trọng đảm bảo tài chính để Viện tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ chi thường xuyên theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP. Đây là hoạt động quan trọng, trực tiếp nâng cao thu nhập cho CBVC của Viện và tạo điều kiện để có tích lũy, phát triển Viện. Năm 2019, các đơn vị có giá trị doanh thu cao có thể kể đến: Phân viện VLXD miền Nam, Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật xây dựng,



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Trung tâm Vật liệu chịu lửa và chống cháy, Trung tâm Vật liệu hữu cơ và Hóa phẩm xây dựng, Trung tâm Kiểm định VLXD, Trung tâm Xi măng - Bê tông.

Công tác Tổ chức - Hành chính ngày càng được chú trọng và nâng cao chất lượng. Bên cạnh đó, công tác Hợp tác quốc tế năm 2019 thực sự được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu. Viện đã tiếp và làm việc với 30 đoàn khách quốc tế. Viện đã tổ chức và cử 09 đoàn đi công tác nước ngoài để nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm, ký kết 02 thỏa thuận hợp tác (MOU) quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu KHCN, phát triển tổ chức và dịch vụ KHCN.

Đặc biệt, năm 2019, Viện đã tổ chức thành công Hội thảo quốc tế với chủ đề Khoa học và Công nghệ VLXD vì sự phát triển bền vững với sự tham gia của hơn 300 khách mời là các học giả, nhà khoa học, chuyên gia nổi tiếng đến từ 15 quốc gia trên thế giới. Ngày 4/11/2019, Viện tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Viện và đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác Đảng và Đoàn thể luôn được thực hiện nghiêm túc, sôi nổi và tích cực. Cùng với đó, công tác thi đua khen thưởng năm 2019



Viện trưởng Lê Trung Thành báo cáo tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

cũng đạt nhiều kết quả: Một cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 06 tập thể của Viện được Bộ tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc; 01 CBVC trong Viện đạt Chiến sỹ thi đua Ngành xây dựng giai đoạn 2016 - 2018; 02 tập thể và 02 cá nhân của Viện được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; 24 cá nhân đạt CSTĐCS; Viện được tặng cờ thi đua của Bộ Xây dựng.

Có thể nói, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức nhưng tập thể CBVC Viện VLXD đã không ngừng sáng tạo, nghiêm túc trong công việc để hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra so với đầu năm 2019. Viện đã thành công duy trì và đảm bảo mức tự chủ toàn bộ chi hoạt động thường xuyên trên 100%.

Về các nhiệm vụ năm 2020, Viện trưởng Lê Trung Thành nhấn mạnh, công tác nghiên cứu khoa học của Viện cần tập trung vào các lĩnh vực: Nghiên cứu phát triển vật liệu mới, vật liệu tiết kiệm năng lượng; nghiên cứu tái chế, tái sử dụng các chất thải từ tro, xỉ và thạch cao; xử lý luyện gang - thép làm VLXD; nghiên cứu vật liệu sử dụng cho công trình biển đảo; chế tạo bê tông in 3D theo chương trình KHCN 4.0,... Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ KHCN chuyển tiếp và các nhiệm vụ

KHCN giao mới năm 2020 đạt yêu cầu về chất lượng và tiến độ. Về công tác nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước: Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống Tiêu chuẩn - Quy chuẩn lĩnh vực VLXD.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh ghi nhận, biểu dương những thành tích của Viện trong năm 2019, chia sẻ về bối cảnh ngành VLXD, gợi mở nhiều ý tưởng để Viện có thể khai thác và phát triển trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Thứ trưởng nhấn mạnh công tác nghiên cứu khoa học phục vụ Quản lý Nhà nước tiếp tục phải đặt lên hàng đầu. Công tác Hợp tác quốc tế cần tiếp tục chú trọng, cụ thể hoá thành các các đề tài nghiên cứu khoa học, sản phẩm KHCN ứng dụng vào thực tiễn. Ngoài ra, Viện cần tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực về con người và cơ sở vật chất, có chuyên đề cụ thể hóa kế hoạch đầu tư trang thiết bị nghiên cứu, thử nghiệm trung hạn trình Bộ Xây dựng trong Quý I/2020.

Phòng KHK&HTQT - Viện VLXD

Thẩm định Đề án Đề nghị công nhận thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là đô thị loại III

Ngày 20/1/2020, tại Hà Nội Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị Thẩm định Đề án Đề nghị công nhận thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là đô thị loại III. Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Nguyễn Tường Văn - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì hội nghị.

Theo Báo cáo thuyết minh tóm tắt Đề án, do đại diện UBND thị xã Cai Lậy trình bày, thị xã Cai Lậy nằm ở phía Tây tỉnh Tiền Giang, cách thành phố Mỹ Tho 28km, phía Bắc giáp huyện Tân Phước, phía Đông giáp huyện Châu Thành, phía Tây giáp huyện Cai Lậy; là trung tâm trung chuyển quan trọng có tác động đến địa bàn các huyện Cai Lậy, Cái Bè hướng về thành phố Mỹ Tho và TP. Hồ Chí Minh; là đầu mối giao thông thủy, bộ quan trọng của vùng với có tuyến QL 1, tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ, đường sắt tốc độ cao TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ, đường thủy có kênh Nguyễn Văn Tiếp, sông Bà Rài và nối ra sông Tiền.

Phạm vi đánh giá, phân loại đô thị của thị xã Cai Lậy gồm 16 đơn vị hành chính (6 phường, 10 xã) với tổng diện tích hơn 14 nghìn ha, dân số thường trú năm 2018 là hơn 126.000 người; phạm vi nội thị dự kiến mở rộng hơn 2.900ha, dân số thường trú năm 2018 hơn 48.800 người, gồm 6 phường hiện hữu có diện tích hơn 1.900ha, phần diện tích mở rộng hơn 1.000ha thuộc 4 xã xung quanh theo định hướng điều chỉnh quy hoạch một phần các xã Long Khánh, Phú Quý, Nhị Quý và Tân Hội.

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/12/2017 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng TP. Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, thị xã Cai Lậy được xác định là đô thị thuộc hành lang kinh tế trọng điểm phía Tây Nam, dọc QL1 của vùng, bao gồm chuỗi các đô thị Bến Lức, Tân An (Long An), Mỹ Tho, Cai Lậy; theo Quy



Toàn cảnh hội nghị

hoạch xây dựng vùng tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, thị xã Cai Lậy là đô thị hạt nhân vùng kinh tế - đô thị phía Tây bao gồm huyện Cai Lậy huyện Cai Bè, huyện Tân Phước. Thị xã Cai Lậy sẽ được nâng cấp để trở thành đô thị loại III trực thuộc tỉnh, trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật vùng phía Tây tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Tiền Giang về phát triển kinh tế xã hội, trong những năm qua, thị xã Cai Lậy thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển theo hướng bền vững, với mức tăng tổng giá trị sản xuất bình quân đạt 9,2%/năm; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao thương mại - dịch vụ, phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đối với các ngành có lợi thế cạnh tranh sản phẩm hàng hóa, sử dụng nguyên liệu và nhân công tại chỗ để hỗ trợ phát triển nông nghiệp và tạo việc làm cho lao động tại địa phương; phát triển nông nghiệp sạch, phù hợp với tính chất đô thị; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trình tự thủ tục đầu tư cụm công nghiệp tập trung Mỹ Phước Tây.

Đối với khu vực nội thị, thị xã tập trung cải tạo và xây dựng mới xen kẽ nhà hiện hữu, xây

dựng khu dân cư mới, kết hợp thương mại dịch vụ theo phân khu và khu vực phát triển đô thị Bắc và Nam đường Dây Thép, Tây Bắc - Tây Nam QL 1, diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực nội thị đạt 26,5m² sàn/người; đối với khu vực ngoại thị, tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt 95% trở lên và không còn nhà tạm, nhà thô sơ trên địa bàn. Bên cạnh đó, thị xã Cai Lậy tiếp tục đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy, Trung tâm y tế đạt 50 giường bệnh, trạm y tế xã phường về cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, đồng thời tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học, xây dựng mới trường mầm non Phường 1, mầm non Nhị Mỹ, mầm non Mỹ Hạnh Trung, Trường tiểu học Phan Văn Kiêu; nâng cấp, mở rộng các điểm trường xuống cấp nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học, từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Bên cạnh đó, thị xã Cai Lậy cũng đẩy mạnh đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục thể thao thị xã theo quy hoạch được duyệt là Trung tâm khu vực phía Tây của tỉnh, đồng thời hoàn thiện các thiết chế văn hóa trên địa bàn thị xã phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của nhân dân. Về thương mại dịch vụ, duy trì và phát triển các cơ sở thương mại hiện có trên địa bàn, thị xã xây dựng mới chợ Thanh Hòa, nâng cấp chợ Tam Long, Phú Quý, Mỹ Hạnh Trung và kêu gọi đầu tư chợ Tân Hội, Trung tâm thương mại dịch vụ tài chính, ngân hàng thị xã Cai Lậy tại khu phố Mỹ Lợi - phường Nhị Mỹ theo quy hoạch.

Về giao thông vận tải, đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, thi công và đưa vào sử dụng tuyến tránh TL 868, mở rộng đường liên xã Võ Việt Tân, đường Nguyễn Văn Hiếu, đường Mỹ Trang, đường huyện 52 (đường Dây Thép), đường B2, đường Đặng Văn Bê đảm bảo chiều rộng phần xe chạy đạt 7,5m trở lên theo tiêu chuẩn đường khu vực đô thị. Bên cạnh đó, thị

xã duy trì hoạt động vận tải hành khách công cộng từ 6% trở lên, phát huy hiệu quả vận tải 2 tuyến đường thủy nội địa kênh Nguyễn Văn Tiếp và sông Ba Rài để vận chuyển hàng hóa, nông sản lúa gạo, tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống đường dây điện, hệ thống chiếu sáng công cộng các đường phố chính khu vực nội thị, đảm bảo tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95% trở lên theo tiêu chí đô thị loại III.

Những năm qua, thị xã Cai Lậy chú trọng đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, xây dựng đô thị “Xanh - sạch - đẹp”, cải tạo, phát triển công viên, cây xanh, tạo mảng xanh cho đô thị. Nâng cao chất lượng lập quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đảm bảo khoa học, phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa - không gian đô thị - kiến trúc cảnh quan theo hướng bền vững, văn minh, lịch sự, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh để tăng nguồn thu ổn định cho ngân sách địa phương; khai thác hiệu quả quỹ đất để tạo nguồn thu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị.

Dựa trên cơ sở thực tiễn và theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, UBND tỉnh Đồng Tháp tự chấm thị xã Cai Lậy đạt các tiêu chí đô thị loại III, với điểm số 80/100 điểm.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh Đề án, Hội đồng Thẩm định đã có những ý kiến đóng góp giúp UBND thị xã Cai Lậy tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo. Hội đồng đánh giá, về cơ bản, hồ sơ Đề án đã đảm bảo đầy đủ trình tự thủ tục, căn cứ pháp lý theo quy định về phân loại đô thị. Tuy nhiên hiện nay, Cai Lậy vẫn còn một số tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối thiểu theo quy định, trong đó có những tiêu chuẩn quan trọng đối với sự phát triển đô thị như dân số, xử lý rác thải, nước thải... Do đó, UBND tỉnh cần rà soát, xem xét, đánh giá lại tất cả các tiêu chí để có sự đầu tư cho phù hợp.

Kết luận hội nghị, Cục trưởng Nguyễn Tường Văn tổng hợp ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, đồng thời đề nghị UBND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xem xét tiếp thu, nhanh chóng hoàn thiện Báo cáo thuyết minh Đề án, trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Thẩm định nhất trí bỏ phiếu thông qua Đề án Đề nghị công nhận thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là đô thị loại III, với điểm số 81,9/100 điểm.

Trần Đình Hà

Khởi công Khu công nghiệp Yên Phong II-C và phát động Tết trồng cây Xuân Canh Tý 2020

Ngày 30/1/2020 (Mùng 6 Tết), tại tỉnh Bắc Ninh, Tổng công ty VIGLACERA-CTCP tổ chức lễ Khởi công Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) Yên Phong II-C và phát động Tết trồng cây Xuân Canh Tý.

Tham dự và phát biểu tại buổi lễ có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh, lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh, lãnh đạo Tổng công ty VIGLACERA-CTCP và đông đảo khách mời trong nước, quốc tế.

Tổng công ty VIGLACERA-CTCP hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư bất động sản. Trong nhiều năm qua, VIGLACERA-CTCP luôn là đơn vị tiên phong trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm: kính, sứ vệ sinh, gạch ốp lát; đồng thời là thương hiệu đi đầu trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và nhà ở xã hội, nhà ở dành cho công nhân khu công nghiệp.

Đến nay, Tổng công ty VIGLACERA-CTCP đã xây dựng thành công 11 KCN trong nước và nước ngoài, thu hút gần 350 nhà đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 15 tỷ USD. Trong đó, KCN Yên Phong thu hút khoảng 11 tỷ USD (với các nhà đầu tư lớn như: Samsung, Orion, Intop, Mobase... giúp giải quyết việc làm cho gần 100.000 lao động).

KCN Yên Phong II-C có quy mô 221ha, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1139/QĐ-TTg



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi Lễ

ngày 11/9/2018. Với vị trí thuận lợi, nằm gần các đầu mối giao thông quan trọng như: QL 18, QL 1A, 1B mới, Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên... rất thuận lợi kết nối với sân bay Quốc tế Nội Bài và đi cảng biển Hải Phòng, cảng biển Cái Lân - Quảng Ninh, KCN Yên Phong II-C sẽ là nơi thu hút đầu tư đa ngành, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, công nghiệp không gây ô nhiễm.

Nhấn mạnh sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Xây dựng trong các định hướng hoạt động của Tổng công ty VIGLACERA-CTCP, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Hương Giang cho biết, trong nhiều năm hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, VIGLACERA-CTCP đã có nhiều đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Ninh, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn



Quang cảnh Lễ khởi công

Hương Giang yêu cầu UBND huyện Yên Phong và các ban ngành tỉnh Bắc Ninh phối hợp chặt chẽ trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng KCN Yên Phong II-C, theo đúng quy định pháp luật, tạo điều kiện tốt nhất để VIGLACERA hoàn thành xây dựng KCN Yên Phong II-C như kế hoạch đã đề ra.

Phát biểu tại buổi lễ, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, Bắc Ninh là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, có những bước phát triển rất mạnh mẽ trong những năm gần đây và là nơi thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, trong đó có Tổng công ty VIGLACERA-CTCP.

Lễ Khởi công KCN Yên Phong II-C và phát động Tết trồng cây Xuân Canh Tý 2020 là sự kiện đặc biệt, có ý nghĩa thiết thực chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp tỉnh Bắc Ninh và hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời là minh chứng cho định hướng phát triển đúng đắn của VIGLACERA, đó là luôn chú trọng đóng góp phát triển kinh tế xã hội và an sinh xã hội của các địa phương.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đề nghị Tổng công ty VIGLACERA-CTCP tập trung mọi



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và các lãnh đạo Bộ Xây dựng, tỉnh Bắc Ninh tham gia Tết trồng cây 2020

nguồn lực để triển khai Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-C đúng tiến độ, thực hiện đúng các quy định pháp luật, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.

Thay mặt Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cảm ơn lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh đã quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng công ty VIGLACERA-CTCP và các doanh nghiệp ngành Xây dựng trong nhiều năm qua.

Cũng trong ngày 30/1, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đã dự lễ Khánh thành Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân KCN Yên Phong. Khu nhà ở này rộng 9,6ha, trong đó nhà ở dành cho công nhân là 4.749 căn hộ, nhà ở dành cho chuyên gia là 108 căn. Đây là tổ hợp công trình đa chức năng nằm trong quần thể Khu thiết chế văn hóa nhà ở xã hội tại KCN Yên Phong, bao gồm: 1 trường Tiểu học (quy mô 15 lớp), 1 trường Mầm non (quy mô 12 lớp), nhà Văn hóa (phục vụ đồng thời khoảng 1.000 người), trạm Y tế và công viên cây xanh, khu tập Thể dục thể thao... được đầu tư xây dựng trên khu đất 17.000m².

Trần Đình Hà

HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2019

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2020



Thủ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị